ỦY BAN NHÂN DÂN QUẬN GÒ VẤP

**TRƯỜNG MẦM NON HẠNH THÔNG TÂY**

**BÁO CÁO TỰ ĐÁNH GIÁ**

THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH - NĂM 2021

ỦY BAN NHÂN DÂN QUẬN GÒ VẤP

**TRƯỜNG** **MẦM NON HẠNH THÔNG TÂY**

**BÁO CÁO TỰ ĐÁNH GIÁ**

**DANH SÁCH VÀ CHỮ KÝ**

 **THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG TỰ ĐÁNH GIÁ**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Họ và tên** | **Chức danh****Chức vụ**  | **Nhiệm vụ** | **Chữ ký** |
| 01 | Nguyễn Thị Hoàng Mai | Hiệu trưởng | Chủ tịch hội đồng |  |
| 02 | Trịnh Nguyễn Ngọc Phương | Phó Hiệu trưởng | Phó Chủ tịch hội đồng |  |
| 03 | Nguyễn Thị Hòa | Phó Hiệu trưởng | Phó Chủ tịch hội đồng |  |
| 04 | Nguyễn Thị Thu Hồng | Chủ tịch Công đoàn | Thư ký hội đồng |  |
| 05 | Nguyễn Thị Phương Mai | Phó bí thư Chi đoàn | Ủy viên hội đồng |  |
| 06 | Phan Bạch Yến Dung | Tổ trưởng  tổ Nhà trẻ | Ủy viên hội đồng |  |
| 07 | Võ Thị Quế Chi | Tổ trưởng tổ 3 – 4 tuổi | Ủy viên hội đồng |  |
| 08 | Phan Thị Bích Liễu | Tổ trưởng tổ 4 – 5 tuổi | Ủy viên hội đồng |  |
| 09 | Phan Minh Thục | Tổ trưởng tổ 5 – 6 tuổi | Ủy viên hội đồng |  |
| 10 | Nguyễn Thị Ngọc Hạnh | Tổ trưởng tổ Văn phòng | Ủy viên hội đồng |  |
| 11 | Vũ Thị Thanh Xuân | Tổ trưởng tổ Cấp dưỡng | Ủy viên hội đồng |  |

THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH - NĂM 2021

**MỤC LỤC**

|  |  |
| --- | --- |
| NỘI DUNG | Trang |
| Mục lục | 1 |
| Bảng tổng hợp kết quả tự đánh giá | 3 |
| **Phần I. CƠ SỞ DỮ LIỆU** | 5 |
| **Phần II. TỰ ĐÁNH GIÁ** | 11 |
| **A. ĐẶT VẤN ĐỀ** | 11 |
| **B. TỰ ĐÁNH GIÁ** | 13 |
| **Tiêu chuẩn 1: Tổ chức và quản lý nhà trường** | 13 |
| Mở đầu | 13 |
| Tiêu chí 1.1: Phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển nhà trường | 13 |
| Tiêu chí 1.2: Hội đồng trường (Hội đồng quản trị đối với trường tư thục) và các hội đồng khác | 16 |
| Tiêu chí 1.3: Tổ chức Đảng Cộng sản Việt Nam, các đoàn thể và tổ chức khác trong nhà trường | 17 |
| Tiêu chí 1.4: Hiệu trưởng, phó hiệu trưởng, tổ chuyên môn và tổ văn phòng | 20 |
| Tiêu chí 1.5: Tổ chức nhóm trẻ và lớp mẫu giáo | 23 |
| Tiêu chí 1.6: Quản lý hành chính, tài chính và tài sản | 26 |
| Tiêu chí 1.7: Quản lý cán bộ, giáo viên và nhân viên | 28 |
| Tiêu chí 1.8: Quản lý các hoạt động giáo dục | 30 |
| Tiêu chí 1.9: Thực hiện quy chế dân chủ cơ sở | 32 |
| Tiêu chí 1.10: Đảm bảo an ninh trật tự, an toàn trường học | 34 |
| *Kết luận về Tiêu chuẩn 1* | 36 |
| **Tiêu chuẩn 2: Cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên** | 38 |
| Mở đầu | 38 |
| Tiêu chí 2.1: Đối với hiệu trưởng, phó hiệu trưởng | 38 |
| Tiêu chí 2.2: Đối với giáo viên | 41 |
| Tiêu chí 2.3: Đối với nhân viên | 45 |
| *Kết luận về Tiêu chuẩn 2* | 47 |
| **Tiêu chuẩn 3: Cơ sở vật chất và thiết bị dạy học** | 47 |
| Mở đầu | 47 |
| Tiêu chí 3.1: Diện tích, khuôn viên và sân vườn | 48 |
| Tiêu chí 3.2: Khối phòng nhóm trẻ, lớp mẫu giáo và khối phòng phục vụ học tập | 50 |
| Tiêu chí 3.3: Khối phòng hành chính - quản trị | 53 |
| Tiêu chí 3.4: Khối phòng tổ chức ăn  | 55 |
| Tiêu chí 3.5: Thiết bị, đồ dùng, đồ chơi | 57 |
| Tiêu chí 3.6: Khu vệ sinh, hệ thống cấp thoát nước. | 59 |
| *Kết luận về Tiêu chuẩn 3* | 61 |
| **Tiêu chuẩn 4: Quan hệ giữa nhà trường, gia đình và xã hội** | 61 |
| Mở đầu | 61 |
| Tiêu chí 4.1: Ban đại diện cha mẹ trẻ | 62 |
| Tiêu chí 4.2: Công tác tham mưu cấp ủy đảng, chính quyền và phối hợp với các tổ chức, cá nhân của nhà trường | 64 |
| *Kết luận về Tiêu chuẩn 4* | 66 |
| **Tiêu chuẩn 5: Hoạt động và kết quả nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ** | 67 |
| Mở đầu | 67 |
| Tiêu chí 5.1: Thực hiện Chương trình giáo dục mầm non | 67 |
| Tiêu chí 5.2: Tổ chức hoạt động nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục | 71 |
| Tiêu chí 5.3: Kết quả nuôi dưỡng và chăm sóc sức khoẻ | 73 |
| Tiêu chí 5.4: Kết quả giáo dục | 76 |
| *Kết luận về Tiêu chuẩn 5* | 78 |
| **Phần III. KẾT LUẬN CHUNG** | 79 |
| **Phần IV. PHỤ LỤC**  | 1-13 |

**TỔNG HỢP KẾT QUẢ TỰ ĐÁNH GIÁ**

1. **Kết quả đánh giá**

|  |  |
| --- | --- |
| **Tiêu chuẩn,****tiêu chí** | **Kết quả** |
| **Không đạt** | **Đạt** |
| **Mức 1** | **Mức 2** | **Mức 3** |
| **Tiêu chuẩn 1** |  |  |  |  |
| Tiêu chí 1.1 |  | x | x |  |
| Tiêu chí 1.2 |  | x | x |  |
| Tiêu chí 1.3 |  | x | x | x |
| Tiêu chí 1.4 |  | x | x | x |
| Tiêu chí 1.5 |  | x | x |  |
| Tiêu chí 1.6 |  | x | x |  |
| Tiêu chí 1.7 |  | x | x |  |
| Tiêu chí 1.8 |  | x | x |  |
| Tiêu chí 1.9 |  | x | x |  |
| Tiêu chí 1.10 |  | x | x |  |
| **Tiêu chuẩn 2** |  |  |  |  |
| Tiêu chí 2.1 |  | x | x |  |
| Tiêu chí 2.2 |  | x | x |  |
| Tiêu chí 2.3 |  | x | x |  |
| **Tiêu chuẩn 3** |  |  |  |  |
| Tiêu chí 3.1 |  | x | x |  |
| Tiêu chí 3.2 |  | x | x |  |
| Tiêu chí 3.3 |  | x | x | x |
| Tiêu chí 3.4 |  | x | x | x |
| Tiêu chí 3.5 |  | x | x | x |
| Tiêu chí 3.6 |  | x | x |  |
| **Tiêu chuẩn 4** |  |  |  |  |
| Tiêu chí 4.1 |  | x | x |  |
| Tiêu chí 4.2 |  | x | x |  |
| **Tiêu chuẩn 5** |  |  |  |  |
| Tiêu chí 5.1 |  | x | x |  |
| Tiêu chí 5.2 |  | x | x |  |
| Tiêu chí 5.3 |  | x | x | x |
| Tiêu chí 5.4 |  | x | x | x |

 **Kết quả:** đạt Mức 2;

**2. Kết luận: Trường đạt Mức 2.**

**Phần I**

**CƠ SỞ DỮ LIỆU**

Tên trường (theo quyết định mới nhất): Trường Mầm non Hạnh Thông Tây.

Tên trước đây: Không có.

Cơ quan chủ quản: Ủy ban nhân dân quận Gò Vấp

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| Tỉnh/thành phố trực thuộcTrung ương | Hồ Chí Minh |  | Họ và tênHiệu trưởng | Nguyễn ThịHoàng Mai |
| Huyện/quận/thị xã /thành phố | Gò Vấp |  | Điện thoại | 028.62953203 |
| Xã/phường/thị trấn | 11 |  | Fax | Không |
| Đạt chuẩn quốc gia | 2015 |  | Website | <https://mnhanhthongtay.hcm.edu.vn> |
| Năm thành lập trường (theo quyết định thành lập) | 2013 |  | Số điểm trường | 01 |
| Công lập | x |  | Loại hình khác | Không |
| Tư thục | Không |  | Thuộc vùng khó khăn | Không |
| Dân lập | Không |  | Thuộc vùng đặc biệt khó khăn | Không |
| Trường liên kết với nước ngoài | Không |  |  |  |

**1. Số nhóm trẻ, lớp mẫu giáo**

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Số nhóm, lớp** | **Năm học 2016-2017** | **Năm học 2017-2018** | **Năm học 2018-2019** | **Năm học 2019-2020** | **Năm học 2020-2021** |
| Nhóm trẻ từ 03 đến 12 tháng tuổi | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 |
| Nhóm trẻ từ 13 đến 24 tháng tuổi | 01 | 01 | 01 | 01 | 01 |
| Nhóm trẻ từ 25 đến 36 tháng tuổi | 02 | 02 | 02 | 02 | 02 |
| Số lớp mẫu giáo 3-4 tuổi | 04 | 04 | 04 | 04 | 04 |
| Số lớp mẫu giáo 4-5 tuổi | 05 | 04 | 05 | 05 | 05 |
| Số lớp mẫu giáo 5-6 tuổi | 05 | 06 | 05 | 05 | 05 |
| **Cộng** | **17** | **17** | **17** | **17** | **17** |

**2. Cơ cấu khối công trình của nhà trường**

|  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Số liệu** | **Năm học 2016-2017** | **Năm học 2017-2018** | **Năm học 2018-2019** | **Năm học 2019-2020** | **Năm học 2020-2021** | **Ghi chú** |
| **I** | Khối phòng nhóm trẻ, lớp mẫu giáo | 17 | 17 | 17 | 17 | 17 |  |
| 1 | Phòng kiên cố | 17 | 17 | 17 | 17 | 17 |  |
| 2 | Phòng bán kiên cố | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 |  |
| 3 | Phòng tạm | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 |  |
| **II** | Khối phòng phục vụ học tập | 03 | 03 | 03 | 04 | 04 |  |
| 1 | Phòng kiên cố | 03 | 03 | 03 | 04 | 04 |  |
| 2 | Phòng bán kiên cố | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 |  |
| 3 | Phòng tạm | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 |  |
| **III** | Khối phòng hành chính quản trị  | 05 | 05 | 05 | 05 | 05 |  |
| 1 | Phòng kiên cố | 05 | 05 | 05 | 05 | 05 |  |
| 2 | Phòng bán kiên cố | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 |  |
| 3 | Phòng tạm | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 |  |
| **IV** | Khối phòng tổ chức ăn | 01 | 01 | 01 | 01 | 01 |  |
| 1 | Phòng kiên cố | 01 | 01 | 01 | 01 | 01 |  |
| 2 | Phòng bán kiên cố | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 |  |
| 3 | Phòng tạm | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 |  |
| **V** | Các công trình, khối phòng chức năng khác (nếu có) | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 |  |
|  | **Cộng** | **26** | **26** | **26** | **27** | **27** |  |

**3. Cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên**

a) Số liệu tại thời điểm tự đánh giá: tháng 5 năm 2021

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
|  | **Tổng số** | **Nữ** | **Dân tộc** | **Trình độ đào tạo** | **Ghi chú** |
| Chưa đạt chuẩn | Đạt chuẩn | Trên chuẩn |
| Hiệu trưởng | 01 | 01 | 0 | 0 | 0 | 01 |  |
| Phó hiệu trưởng | 02 | 02 | 0 | 0 | 01 | 01 |  |
| Giáo viên | 36 | 36 | 0 | 0 | 09 | 27 |  |
| Nhân viên | 15 | 12 | 0 | 09 | 05 | 01 |  |
| **Cộng** | 54 | 51 | 0 | 09 | 15 | 30 |  |

b) Số liệu của 5 năm gần đây

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Số liệu** | **Năm học 2016-2017** | **Năm học 2017-2018** | **Năm học 2018-2019** | **Năm học 2019-2020** | **Năm học 2020-2021** |
| 1 | Tổng số giáo viên | 35 | 37 | 37 | 37 | 36 |
| 2 | Tỉ lệ trẻ em/ giáo viên (đối với nhóm trẻ) | 121 trẻ/8 giáo viên= 13,4  | 108 trẻ/9 giáo viên= 12,0 trẻ/giáo viên | 115 trẻ/9 giáo viên= 12,7 trẻ/giáo viên | 101 trẻ/9 giáo viên = 11,2 trẻ/giáo viên | 104 trẻ/8 giáo viên= 13 trẻ/giáo viên |
| 3 | Tỉ lệ trẻ em/ giáo viên (đối với lớp mẫu giáo không có trẻ bán trú) | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 |
| 4 | Tỉ lệ trẻ em/giáo viên (đối với lớp mẫu giáo có trẻ em bán trú) | 632/27giáo viên= 21,8 trẻ/giáo viên | 604/28 giáo viên= 21,6 trẻ/giáo viên | 544/28 giáo viên= 19,4trẻ/giáo viên | 535/28 giáo viên = 19,1 trẻ/giáo viên | 539/28 giáo viên = 19,2 trẻ/giáo viên |
| 5 | Tổng số giáo viên dạy giỏi cấp huyện hoặc tương đương trở lên (nếu có) | 08 | 0 | 03 | 0 | 01 |
| 6 | Tổng số giáo viên dạy giỏi cấp tỉnh trở lên (nếu có) | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 |
| 7 | Các số liệu khác (nếu có) | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 |

**4. Trẻ em**

|  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Số liệu** | **Năm** **học 2016-2017** | **Năm học 2017-2018** | **Năm học 2018-2019** | **Năm học 2019-2020** | **Năm học 2020-2021** | **Ghi chú** |
| 1 | Tổng số trẻ em | 753 | 712 | 659 | 636 | 643 |  |
| - Nữ | 360 | 363 | 355 | 340 | 322 |  |
| - Dân tộc thiểu số | 17 | 15 | 20 | 21 | 18 |  |
| 2 | Đối tượng chính sách | 03 | 02 | 02 | 02 | 03 |  |
| 3 | Khuyết tật | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 |  |
| 4 | Tuyển mới | 211 | 194 | 205 | 194 | 205 |  |
| 5 | Học 2 buổi/ngày | 753 | 712 | 659 | 636 | 643 |  |
| 6 | Bán trú | 753 trẻ/17 lớp | 712 trẻ/17 lớp | 659 trẻ/17 lớp | 636 trẻ/17 lớp | 643 trẻ/17lớp |  |
| 7 | Tỉ lệ trẻ em/lớp | 632 trẻ/14 lớp = 45,1  trẻ/lớp | 604 trẻ/14 lớp = 43,1trẻ/lớp | 544 trẻ/14 lớp = 38,9 trẻ/lớp | 535 trẻ/14 lớp = 38,2trẻ/lớp | 539 trẻ/14 lớp = 38,5 trẻ/lớp |  |
| 8 | Tỉ lệ trẻ em/nhóm | 121 trẻ/03 nhóm= 40,3 trẻ/nhóm | 108 trẻ/03 nhóm= 36trẻ/nhóm | 115 trẻ/03 nhóm= 38,3 trẻ/nhóm | 101 trẻ/03 nhóm= 33,7trẻ/nhóm | 104 trẻ/03 nhóm= 34,7trẻ/nhóm |  |
| 9 | - Trẻ em từ 03 đến 12 tháng tuổi | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 |  |
| 10 | - Trẻ em từ 13 đến 24 tháng tuổi | 26 | 32 | 34 | 28 | 36 |  |
| 11 | - Trẻ em từ 25 đến 36 tháng tuổi | 95 | 76 | 81 | 73 | 68 |  |
| 12 | - Trẻ em từ 3-4 tuổi | 135 | 170 | 155 | 135 | 154 |  |
| 13 | - Trẻ em từ 4-5 tuổi | 262 | 174 | 199 | 195 | 178 |  |
| 14 | - Trẻ em từ 5-6 tuổi | 235 | 260 | 190 | 205 | 207 |  |
| 15 | Các số liệu khác | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 |  |

**5. Các số liệu khác:** không có

**Phần II**

**TỰ ĐÁNH GIÁ**

1. **ĐẶT VẤN ĐỀ**

1. Tình hình chung của nhà trường

Trường Mầm non Hạnh Thông Tây được thành lập theo Quyết định số 5158/QĐ-UBND, ngày 04/07/2013 của Ủy ban nhân dân quận Gò Vấp, tọa lạc tại số 637/2A Quang Trung, Phường 11, quận Gò Vấp. Năm học 2014-2015, được sự quan tâm của Ban lãnh đạo các cấp, đã đầu tư trang thiết bị, theo tiêu chuẩn trường mầm non đạt Chuẩn quốc gia và đã được công nhận trường đạt Chuẩn quốc gia Mức độ 1.

Trong các năm qua Trường Mầm non Hạnh Thông Tây đã nỗ lực đầu tư nâng cao chất lượng của trường; tạo uy tín trong Ban lãnh đạo, chính quyền địa phương. Nhà trường đã xây dựng được đội ngũ giáo viên đồng đều về kiến thức chuyên môn, nghiệp vụ và kỹ năng sư phạm. Chất lượng chăm sóc giáo dục trẻ ngày càng nâng cao, được cha mẹ học sinh tín nhiệm. Năm học 2020-2021, trường có 36 giáo viên được phân công trực tiếp làm công tác chăm sóc nuôi dưỡng và giáo dục trẻ, 100% giáo viên có trình độ đạt chuẩn trong đó có 27/36 trên chuẩn đạt 75%. Tổng số học sinh: 643 trẻ chia thành 17 nhóm lớp từ 19-24 tháng đến 5-6 tuổi. Trường có Chi bộ độc lập gồm 12 đảng viên, giữ vai trò hạt nhân lãnh đạo trong toàn bộ hoạt động của nhà trường. Các tổ chức Công đoàn, Đoàn Thanh niên, Ban đại diện cha mẹ học sinh đều hoạt động tích cực, phối hợp cùng nhà trường hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ.

Qua quá trình nỗ lực phấn đấu của tập thể, từ năm học 2013-2014 đến nay, nhà trường liên tục được công nhận danh hiệu tập thể lao động tiên tiến, tập thể lao động xuất sắc.

Trong giai đoạn hiện nay, đòi hỏi mỗi cơ sở giáo dục phải xác định cụ thể các tiêu chí phấn đấu, nhằm đảm bảo yêu cầu ngày càng cao về chất lượng giáo dục. Trường Mầm non Hạnh Thông Tây tự xem xét, kiểm tra, dựa trên nguyên tắc độc lập, khách quan và đánh giá trung thực, công khai, minh bạch, nhằm xác định mức độ đáp ứng mục tiêu giáo dục trong từng giai đoạn, để xây dựng kế hoạch cải tiến, nâng cao chất lượng chăm sóc và giáo dục trẻ; thông báo công khai với các cơ quan quản lý Nhà nước và xã hội về thực trạng chất lượng giáo dục của nhà trường.

Căn cứ vào sự chỉ đạo của Phòng Giáo dục và Đào tạo quận Gò Vấp về việc hướng dẫn thực hiện công tác kiểm định chất lượng giáo dục năm học 2021-2022, Trường Mầm non Hạnh Thông Tây tiến hành thực hiện quy trình tự đánh giá kiểm định chất lượng giáo dục của đơn vị theo Thông tư số 19/2018/TT-BGDĐT, ngày 22 tháng 8 năm 2018 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy định về việc kiểm định chất lượng giáo dục và công nhận đạt Chuẩn quốc gia đối với trường mầm non.

2. Mục đích tự đánh giá

Mục đích của công tác tự đánh giá, kiểm định chất lượng giáo dục của trường là tự xem xét, tự kiểm tra, chỉ ra các điểm mạnh, điểm yếu của từng tiêu chí, xây dựng kế hoạch cải tiến chất lượng và các biện pháp thực hiện để đáp ứng các tiêu chuẩn chất lượng giáo dục do Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành nhằm không ngừng cải tiến, nâng cao chất lượng giáo dục. Thông qua việc tự đánh giá giúp cho tập thể cán bộ, giáo viên, nhân viên nhận thức rõ hơn vai trò và trách nhiệm của mình trước nhiệm vụ được giao. Từ đó, công tác quản lý nhà trường ngày một chặt chẽ thể hiện tính chủ động, sáng tạo, trách nhiệm trong toàn bộ hoạt động giáo dục và hoàn thiện về chất lượng trong nhà trường.

1. Tóm tắt quá trình và những vấn đề nổi bật trong hoạt động tự đánh giá
	1. Thành lập Hội đồng tự đánh giá: ngày 22/12/2020.
	2. Xây dựng kế hoạch tự đánh giá: ngày 22/12/2020.
	3. Thu thập, xử lý và phân tích các minh chứng: ngày 02/01/2021.
	4. Đánh giá mức độ đạt được theo từng tiêu chí: ngày 01/3/2021.
	5. Viết báo cáo tự đánh giá: ngày 02/5/2021
	6. Công bố báo cáo tự đánh giá: ngày 30/5/2021.
	7. Triển khai các hoạt động sau khi hoàn thành báo cáo tự đánh giá: ngày 31/5/2021.

 Qua hoạt động tự đánh giá, các bộ phận đã đối chiếu nhiệm vụ thực hiện với từng tiêu chí đã đặt ra. Từ đó, nhà trường thấy được những mặt thực hiện tốt và những điểm hạn chế theo từng tiêu chí, có kế hoạch cải tiến nâng chất lượng cho những năm tiếp theo.

**B. TỰ ĐÁNH GIÁ**

**Tiêu chuẩn 1: Tổ chức và quản lý nhà trường**

**Mở đầu**

Trường Mầm non Hạnh Thông Tây có tổ chức bộ máy đúng theo Điều lệ trường mầm non và quản lý thực hiện mục tiêu giáo dục của Bộ Giáo dục và Đào tạo. Hệ thống tổ chức nhà trường gồm có: Hội đồng trường; Hội đồng thi đua khen thưởng và các Hội đồng khác làm việc theo nguyên tắc tập trung dân chủ, thực hiện tốt nhiệm vụ quyền hạn được giao, tham gia quản lý nhà trường có hiệu quả, kiểm tra nội bộ có đủ hồ sơ sổ sách và được lưu trữ đầy đủ.

Trường có 17 nhóm, lớp; số lớp và số trẻ theo quy định của Điều lệ trường mầm non; thực hiện tốt đường lối, chủ trương, của Đảng và chính sách, pháp luật của Nhà nước. Nhà trường có nhiều biện pháp chỉ đạo, kiểm tra đánh giá việc thực hiện kế hoạch chăm sóc, giáo dục trẻ và các hoạt động giáo dục khác. Thực hiện tốt quản lý chuyên môn theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

***Tiêu chí 1.1: Phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển nhà trường***

Mức 1:

*a) Phù hợp với mục tiêu giáo dục mầm non được quy định tại Luật Giáo dục, định hướng phát triển kinh tế - xã hội của địa phương theo từng giai đoạn và các nguồn lực của nhà trường;*

*b) Được xác định bằng văn bản và cấp có thẩm quyền phê duyệt;*

*c) Được công bố công khai bằng hình thức niêm yết tại nhà trường hoặc đăng tải trên trang thông tin điện tử của nhà trường (nếu có) hoặc đăng tải trên các phương tiện thông tin đại chúng của địa phương, trang thông tin điện tử của phòng giáo dục và đào tạo.*

Mức 2:

*Nhà trường có các giải pháp giám sát việc thực hiện phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển.*

Mức 3:

*Định kỳ rà soát, bổ sung, điều chỉnh phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển. Tổ chức xây dựng phương hướng, chiến lược và phát triển có sự tham gia của các thành viên trong Hội đồng trường, cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên, cha mẹ trẻ và cộng đồng.*

**1. Mô tả hiện trạng**

Mức 1:

a) Nhà trường có xây dựng kế hoạch phương hướng, chiến lược và phát triển phù hợp với mục tiêu giáo dục mầm non được quy định tại Luật Giáo dục: “Giáo dục mầm non nhằm phát triển toàn diện trẻ em về thể chất, tình cảm, trí tuệ, thẩm mỹ, hình thành yếu tố đầu tiên của nhân cách, chuẩn bị cho trẻ em vào học lớp một”; phù hợp với định hướng phát triển kinh tế - xã hội của địa phương theo từng giai đoạn: “Đề án chăm sóc trẻ từ 6 tháng tuổi đến 12 tháng tuổi, từ 12 tháng tuổi đến 24 tháng tuổi, không để trường hợp nghỉ học vì hoàn cảnh khó khăn. Tăng cường công tác quản lý đối với các cơ sở giáo dục mầm non tư thục trên địa bàn phường và các nguồn lực của nhà trường cơ bản có tầm nhìn chiến lược lâu dài, có định hướng và kế hoạch cụ thể, phù hợp với các nguồn lực của đơn vị qua từng giai đoạn 2015 - 2020 [H1-1.1- 01].

b) Kế hoạch chiến lược xây dựng và phát triển nhà trường được xác định bằng văn bản và được Phòng Giáo dục và Đào tạo quận Gò Vấp phê duyệt [H1-1.1- 01].

c) Văn bản Phương hướng, chiến lược và phát triển nhà trường được công bố, công khai trên bảng thông báo, trang web của nhà trường [H1-1.1-02].

Mức 2:

Hằng năm, nhà trường xây dựng kế hoạch năm học để triển khai thực hiện kế hoạch chiến lược phát triển trường mầm non một cách cụ thể; đồng thời phân công các thành viên trong Hội đồng trường theo dõi, giám sát việc thực hiện phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển nhà trường một cách đầy đủ và hiệu quả [H1-1.1-03].

Mức 3:

Nhà trường hằng tháng rà soát, bổ sung, có kiểm tra đánh giá và thúc đẩy về mọi mặt được đánh giá kịp thời khách quan, có những định hướng về công tác kiểm định chất lượng đội ngũ nói riêng và chất lượng nhà trường nói chung có định hướng và các kế hoạch, phù hợp với thực trạng cụ thể của đơn vị qua từng giai đoạn 2015 - 2020 và tầm nhìn đến năm 2025 [H1-1.1-04].

Việc xây dựng phương hướng, chiến lược và phát triển có sự tham gia của các thành viên trong Hội đồng trường, cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên [H1-1.1-05], chưa có sự tham gia nhiều của cha mẹ học sinh và cộng đồng.

**2. Điểm mạnh**

Nhà trường triển khai thực hiện kế hoạch chiến lược phát triển trường mầm non một cách cụ thể; đồng thời phân công các thành viên trong Hội đồng trường theo dõi, giám sát việc thực hiện phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển nhà trường một cách đầy đủ và hiệu quả.

**3. Điểm yếu**

Chưa có sự tham gia nhiều của cha mẹ học sinh và cộng đồng trong việc xây dựng phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển nhà trường.

1. **Kế hoạch cải tiến chất lượng**

Từ tháng 11 năm 2021, Hiệu trưởng chỉ đạo giáo viên định kỳ hằng tháng phối hợp tuyên truyền đến cha mẹ học sinh và cộng đồng xã hội nhằm thiết lập mối quan hệ từ phía cha mẹ học sinh và các mạnh thường quân hỗ trợ cơ sở vật chất, trang thiết bị, đồ dùng đồ chơi để nâng cao chất lượng chăm sóc nuôi dưỡng và giáo dục trẻ. Cuối mỗi năm học, cán bộ quản lý lấy ý kiến đóng góp tham gia của cha mẹ học sinh và cộng đồng trong việc xây dựng phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển nhà trường trong các cuộc họp Ban đại diện cha mẹ học sinh, các buổi sinh hoạt chuyên đề.

**5. Tự đánh giá:** đạt Mức 2.

***Tiêu chí 1.2: Hội đồng trường (Hội đồng quản trị đối với trường tư thục) và các hội đồng khác***

Mức 1:

*a) Được thành lập theo quy định;*

*b) Thực hiện chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn theo quy định;*

*c) Các hoạt động được định kỳ rà soát, đánh giá.*

Mức 2:

*Hoạt động có hiệu quả, góp phần nâng cao chất lượng nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ của nhà trường.*

1. **Mô tả hiện trạng**

Mức 1:

a) Hội đồng trường Trường Mầm non Hạnh Thông Tây nhiệm kỳ 2016 - 2021 được Phòng Giáo dục và Đào tạo quận Gò Vấp công nhận theo Quyết định số 61/QĐ-GDĐT ngày 08 tháng 06 năm 2020 gồm có 09 thành viên, trong đó Chủ tịch Hội đồng trường là bà Nguyễn Thị Hoàng Mai, Hiệu trưởng nhà trường [H1-1.1-05]. Ngoài ra, nhà trường còn thành lập những hội đồng khác để đáp ứng hoạt động thực tiễn như: Hội đồng thi đua khen thưởng [H1-1.2-01], Hội đồng chấm thi giáo viên giỏi cấp trường, Hội đồng chấm sáng kiến [H1-1.2-02], Hội đồng tuyển sinh [H1-1.2-03].

b) Hội đồng trường và các hội đồng khác thực hiện tốt các chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn theo quy định tại Điều 18, 19 Điều lệ trường mầm non: công tác huy động và giám sát việc sử dụng các nguồn lực của nhà trường, phong trào thi đua, chất lượng chuyên môn và đội ngũ giáo viên… Chịu trách nhiệm quyết định về phương hướng hoạt động của nhà trường, huy động và giám sát việc sử dụng các nguồn lực dành cho nhà trường, gắn nhà trường với cộng đồng và xã hội, bảo đảm thực hiện mục tiêu giáo dục [H1-1.1-05]; [H1-1.2-01]; [H1-1.2-02]; [H1-1.2-03].

c) Các hội đồng trong nhà trường định kỳ 2 lần/năm rà soát để điều chỉnh, bổ sung nhân sự và đánh giá hoạt động của các hội đồng trong nhà trường [H1-1.1-06]; [H1-1.2-01]; [H1-1.2-02]; [H1-1.2-03].

Mức 2:

Hội đồng trường, Hội đồng thi đua khen thưởng tham gia định hướng phát triển nhà trường theo nguyên tắc tập trung dân chủ, hoạt động theo kế hoạch và được định kỳ rà soát đánh giá theo từng hoạt động phát huy hiệu quả chất lượng công tác của hội đồng; đánh giá tình hình hoạt động, phong trào thi đua và các mặt hoạt động của nhà trường, giúp các hoạt động của nhà trường đạt hiệu quả cao [H1-1.2-04]. Tuy nhiên, công tác phối hợp kiểm tra, rà soát theo định kỳ của các thành viên trong Hội đồng trường còn gặp nhiều khó khăn do nhân sự Hội đồng trường có nhiều thay đổi.

1. **Điểm mạnh**

Hội đồng thi đua và các Hội đồng khác được thành lập theo quy định. Các Hội đồng đều thực hiện đúng chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn; định kỳ rà soát, đánh giá hoạt động có hiệu quả, góp phần nâng cao chất lượng chăm sóc và giáo dục trẻ.

1. **Điểm yếu**

Công tác phối hợp kiểm tra, rà soát theo định kỳ của các thành viên trong Hội đồng trường còn gặp nhiều khó khăn do nhân sự Hội đồng trường có thay đổi.

1. **Kế hoạch cải tiến chất lượng**

Từ tháng 11 năm 2021, Chủ tịch Hội đồng, cán bộ quản lý nắm bắt giáo viên, nhân viên có năng lực chuyên môn, trách nhiệm để tham mưu khi có sự thay đổi nhân sự trong các Hội đồng để đảm bảo tính kế thừa về thực hiện hồ sơ sổ sách, công tác kiểm tra tại đơn vị.

**5. Tự đánh giá:** đạt Mức 2.

***Tiêu chí 1.3: Tổ chức Đảng Cộng sản Việt Nam, các đoàn thể và tổ chức khác trong nhà trường***

Mức 1:

*a) Các đoàn thể và tổ chức khác trong nhà trường có cơ cấu tổ chức theo quy định;*

*b) Hoạt động theo quy định;*

*c) Hằng năm, các hoạt động được rà soát, đánh giá.*

Mức 2:

*a) Tổ chức Đảng Cộng sản Việt Nam có cơ cấu tổ chức và hoạt động theo quy định; trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, có ít nhất 01 năm hoàn thành tốt nhiệm vụ, các năm còn lại hoàn thành nhiệm vụ trở lên;*

*b) Các đoàn thể, tổ chức khác có đóng góp tích cực cho các hoạt động của nhà trường.*

Mức 3:

*a) Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, tổ chức Đảng Cộng sản Việt Nam có ít nhất 02 năm hoàn thành tốt nhiệm vụ, các năm còn lại hoàn thành nhiệm vụ trở lên;*

*b) Các đoàn thể, tổ chức khác đóng góp hiệu quả cho các hoạt động của nhà trường và cộng đồng.*

1. **Mô tả hiện trạng**

Mức 1:

a) Các đoàn thể được cơ cấu tổ chức theo quy định: Công đoàn có 54 công đoàn viên, Ban chấp hành Công đoàn gồm 05 thành viên [H1-1.3-01]; Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh có 20 đoàn viên, Ban Chấp hành Chi đoàn gồm 03 thành viên [H1-1.3-02]; nhà trường còn có Chi Hội Khuyến học [H1-1.3-03] và Chi Hội Chữ thập đỏ [H1-1.3-04].

b) Tổ chức Công đoàn, Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh của nhà trường thực hiện tốt các chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn theo quy định, phát huy quyền làm chủ của cán bộ, viên chức và người lao động, đẩy mạnh các phong trào thi đua trong nhà trường, thực hiện có hiệu quả các nhiệm vụ được giao [H1-1.3-01]; [H1-1.3-02]. Công đoàn được đánh giá vững mạnh [H1-1.3-01]; Chi đoàn thực hiện nhiều công trình thanh niên mang hiệu quả cao, được đánh giá xuất sắc [H1-1.3-02].

c) Hằng năm, hoạt động của các đoàn thể, Chi Hội Chữ thập đỏ và Chi Hội Khuyến học trong nhà trường đều được rà soát, đánh giá định kỳ 2 lần/năm. Từ đó kịp thời chỉ đạo đội ngũ thực hiện đúng Nghị quyết, kế hoạch đã đề ra. Qua đó có kiến nghị, đề xuất và phối hợp với các cơ quan Nhà nước, các đoàn thể các tổ chức kinh tế - xã hội giải quyết những vấn đề có liên quan đến công tác tại đơn vị [H1-1.3-03]; [H1-1.3-04].

Mức 2:

a) Chi bộ Trường Mầm non Hạnh Thông Tây có Chi bộ Đảng trực thuộc Đảng ủy Phường 11, có 12 đảng viên (Ban chấp hành gồm: 01 Bí thư và 01 Phó bí thư, 01 Chi ủy viên), Bí thư chi bộ là Hiệu trưởng nhà trường. Chi bộ có cơ cấu tổ chức và hoạt động theo quy định. Chi bộ được đánh giá mức từ hoàn thành nhiệm vụ trở lên, cụ thể: Năm 2016, năm 2017 hoàn thành nhiệm vụ; năm 2018, 2019 hoàn thành tốt nhiệm vụ; năm 2020 hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ tiêu biểu [H1-1.3-05].

b) Các đoàn thể, tổ chức khác đã đóng góp tích cực cho các hoạt động của nhà trường và mang lại thành tích, danh hiệu cụ thể như sau: Công đoàn đạt danh hiệu “Vững mạnh” [H1-1.3-01]; Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh hoàn thành xuất sắc công tác, hằng năm được công nhận “Chi đoàn xuất sắc” [H1-1.3-02].

Mức 3:

a) Kết quả đánh giá của Chi bộ trong 05 năm: năm 2016, 2017 hoàn thành nhiệm vụ; năm 2018, 2019 hoàn thành tốt nhiệm vụ; năm 2020 hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ tiêu biểu [H1-1.1-05].

b) Các đoàn thể, Công đoàn, Chi đoàn của nhà trường tích cực đề ra phương hướng nhiệm vụ hoạt động chăm lo và bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp, chính đáng của người lao động, tổ chức các hoạt động, tạo môi trường giáo dục rèn luyện đoàn viên nhằm góp phần thực hiện các nhiệm vụ của đơn vị; tham gia đóng góp ủng hộ quỹ vì biển đảo quê hương, ủng hộ miền Bắc bị bão lụt, thường xuyên tuyên truyền nâng cao nhận thức của cán bộ, giáo viên, nhân viên về kiến thức, biện pháp chăm sóc sức khỏe, phòng dịch bệnh cho bản thân, gia đình, trẻ và cộng đồng. Tuy nhiên, hoạt động của Ban chấp hành Công đoàn đôi lúc còn thiếu sự sáng tạo [H1-1.3-01]; [H1-1.3-02].

1. **Điểm mạnh**

Tổ chức Công đoàn, Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh có cơ cấu và hoạt động theo quy định, đóng góp tích cực và đem lại hiệu quả cao trong các hoạt động của nhà trường và cộng đồng.

1. **Điểm yếu**

Hoạt động của Ban chấp hành Công đoàn đôi lúc còn thiếu sự sáng tạo.

1. **Kế hoạch cải tiến chất lượng**

Từ tháng 11 năm 2021, cán bộ quản lý tạo điều kiện để Ban chấp hành Công đoàn tích cực giao lưu, học tập mô hình hoạt động của công đoàn cơ sở khác, tham gia các lớp bồi dưỡng nghiệp vụ nhằm sáng tạo, đổi mới nội dung, đa dạng hóa các hình thức tổ chức sinh hoạt để phát huy tính tích cực của các công đoàn viên, tăng cường tổ chức các phong trào đi sâu vào chất lượng, đóng góp hiệu quả cho các hoạt động của nhà trường và cộng đồng.

1. **Tự đánh giá:** đạt Mức 3.

***Tiêu chí 1.4: Hiệu trưởng, phó hiệu trưởng, tổ chuyên môn và tổ văn phòng***

Mức 1:

*a) Có hiệu trưởng, số lượng phó hiệu trưởng theo quy định;*

*b) Tổ chuyên môn và tổ văn phòng có cơ cấu tổ chức theo quy định;*

*c) Tổ chuyên môn, tổ văn phòng có kế hoạch hoạt động và thực hiện các nhiệm vụ theo quy định.*

Mức 2:

*a) Hằng năm, tổ chuyên môn đề xuất và thực hiện được ít nhất 01 (một) chuyên đề chuyên môn có tác dụng nâng cao chất lượng và hiệu quả giáo dục;*

*b) Hoạt động của tổ chuyên môn và tổ văn phòng được định kỳ rà soát, đánh giá, điều chỉnh*.

Mức 3:

*a) Hoạt động của tổ chuyên môn và tổ văn phòng có đóng góp hiệu quả trong việc nâng cao chất lượng các hoạt động của nhà trường;*

*b) Tổ chuyên môn thực hiện hiệu quả các chuyên đề chuyên môn góp phần nâng cao chất lượng nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ.*

**1. Mô tả hiện trạng**

Mức 1:

a) Trường Mầm non Hạnh Thông Tây có 01 Hiệu trưởng và 02 Phó Hiệu trưởng, đủ số lượng theo quy định tại Thông tư liên tịch số 06/2015/TTLT-BGDĐT-BNV ngày 16 tháng 03 năm 2015 quy định về khung vị trí việc làm và định mức số lượng người làm việc trong cơ sở giáo dục mầm non công lập. Hiệu trưởng và Phó Hiệu trưởng được bổ nhiệm theo Quyết định của Ủy ban nhân dân quận Gò Vấp [H1-1.4-01].

b) Nhà trường thành lập 05 tổ chuyên môn: tổ khối Nhà trẻ (19-36 tháng): 07 thành viên, tổ khối Mầm (3-4 tuổi): 08 thành viên, tổ khối Chồi (4-5 tuổi): 10 thành viên, tổ khối Lá (5-6 tuổi): 10 thành viên, tổ nhân viên nấu ăn: 06 thành viên và 01 tổ văn phòng có 09 thành viên [H1-1.4-02]. Mỗi tổ đều có tổ trưởng, tổ phó được phân công hỗ trợ quản lý thực hiện các chỉ đạo chuyên môn tại tổ theo quyết định của Hiệu trưởng [H1-1.4-03].

c) Các tổ chuyên môn, tổ văn phòng đều có kế hoạch hoạt động và thực hiện các nhiệm vụ theo quy định. Các tổ tổ chức học tập trao đổi kinh nghiệm, tự bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ; tham gia kiểm tra, đánh giá chất lượng và hiệu quả công việc của tổ viên và tổ chức sinh hoạt tổ chuyên môn định kỳ theo quy định 2 lần/tháng, thảo luận rút kinh nghiệm trong công tác giảng dạy nhằm nâng cao chất lượng giáo dục trong nhà trường [H1-1.4-04]; [H1-1.4-05].

Mức 2:

a) Hằng năm, tổ chuyên môn có kế hoạch thực hiện chuyên đề nhằm nâng cao chất lượng hiệu quả chăm sóc giáo dục trẻ. Mỗi năm đều tổ chức từ 02 đến 03 chuyên đề cấp trường; năm học 2016-2017, 2017-2018 đã tổ chức thành công 01 chuyên đề cấp Thành phố. Năm học 2020-2021 nhà trường đã tổ chức thành công 03 chuyên đề cấp trường: “Tổ chức hoạt động trải nghiệm sáng tạo cho trẻ”, “Sử dụng sản phẩm của trẻ trong xây dựng môi trường và tổ chức hoạt động vui chơi”, “Giáo dục giới tính cho trẻ 3 – 5 tuổi”, các chuyên đề đã tạo nhiều cơ hội cho tập thể giáo viên học hỏi, trao đổi kinh nghiệm, nâng cao nghiệp vụ [H1-1.4-06]; [H1-1.4-07].

b) Các tổ chuyên môn, tổ văn phòng đều thực hiện kế hoạch hoạt động của tổ. Tổ chức học tập trao đổi kinh nghiệm, tự bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ tham gia kiểm tra, đánh giá chất lượng và hiệu quả công việc của tổ; tổ chức sinh hoạt tổ chuyên môn định kỳ nhằm điều chỉnh kịp thời những sai lệch, thiếu sót, bổ sung cho kế hoạch nâng cao hiệu quả hoạt động [H1-1.4-04]; [H1-1.4-05].

Mức 3:

a) Tổ chuyên môn, tổ văn phòng tổ chức tốt sinh hoạt chuyên môn định kỳ, bàn bạc, thảo luận, trao đổi chuyên môn, phát huy năng lực của từng thành viên trong tổ, góp phần nâng cao chất lượng các hoạt động của nhà trường [H1-1.4-04]; [H1-1.4-05]. Tuy nhiên, tổ văn phòng do có nhiều bộ phận và 09/15 thành viên chưa được đào tạo, bồi dưỡng chuyên sâu về nghiệp vụ đảm trách nên chưa đề xuất ý kiến chuyên môn sâu, các biện pháp sáng tạo trong các buổi sinh hoạt tổ [H1-1.4-04].

b) Tổ chuyên môn thực hiện hiệu quả các chuyên đề chuyên môn góp phần nâng cao chất lượng nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ cụ thể qua các chuyên đề như: “Xây dựng môi trường thiên nhiên trong tổ chức các hoạt động và tăng cường vận động cho trẻ”; “Tổ chức các hoạt động giáo dục kỹ năng sống cho trẻ”, “Sử dụng sản phẩm của trẻ trong xây dựng môi trường và tổ chức hoạt động vui chơi”, “Tổ chức các hoạt động phát triển tình cảm và kỹ năng xã hội cho trẻ”, “Đổi mới tổ chức giờ ăn cho trẻ” [H1-1.4-07].

1. **Điểm mạnh**

Nhà trường có đủ cán bộ quản lý theo đúng quy định. Tổ chuyên môn và tổ văn phòng được cơ cấu tổ chức đúng thành phần, các tổ hoạt động và thực hiện đúng chức năng, nhiệm vụ theo quy định, nâng cao hiệu quả chất lượng, chăm sóc, giáo dục trẻ qua các chuyên đề.

1. **Điểm yếu**

Hoạt động của tổ văn phòng do có nhiều bộ phận và 09/15 thành viên chưa được đào tạo, bồi dưỡng chuyên sâu về nghiệp vụ đảm trách nên chưa đề xuất ý kiến chuyên môn sâu, các biện pháp sáng tạo trong các buổi sinh hoạt tổ.

1. **Kế hoạch cải tiến chất lượng**

Từ tháng 11 năm 2021, cán bộ quản lý thường xuyên động viên, định hướng cho tổ trưởng phát huy tốt vai trò của bản thân trong tổ chức hoạt động tổ; tạo điều kiện, hỗ trợ kinh phí cho các cá nhân làm công tác kiêm nhiệm tham gia các lớp đào tạo, bồi dưỡng chuyên môn nghiệm vụ; động viên các thành viên mạnh dạn đề xuất ý kiến, các biện pháp sáng tạo đổi mới hình thức tổ chức sinh hoạt tổ để các thành viên trong tổ có nhiều cơ hội, điều kiện đóng góp xây dựng ý kiến cho hoạt động của tổ sôi nổi và đạt hiệu quả cao hơn, góp phần nâng cao chất lượng các hoạt động của nhà trường.

1. **Tự đánh giá:** đạt Mức 3.

***Tiêu chí 1.5: Tổ chức nhóm trẻ và lớp mẫu giáo***

Mức 1:

*a) Các nhóm trẻ, lớp mẫu giáo được phân chia theo độ tuổi; trong trường hợp số lượng trẻ trong mỗi nhóm, lớp không đủ 50% so với số trẻ tối đa quy định tại Điều lệ trường mầm non thì được tổ chức thành nhóm trẻ ghép hoặc lớp mẫu giáo ghép;*

*b) Các nhóm trẻ, lớp mẫu giáo được tổ chức học 02 buổi trên ngày;*

*c) Mỗi nhóm trẻ, lớp mẫu giáo có không quá 02 (hai) trẻ cùng một dạng khuyết tật.*

Mức 2:

*Số trẻ trong các nhóm trẻ và lớp mẫu giáo không vượt quá quy định và được phân chia theo độ tuổi.*

Mức 3:

*Trường có không quá 20 (hai mươi) nhóm trẻ lớp mẫu giáo.*

1. **Mô tả hiện trạng**

Mức 1:

a) Năm học 2020 - 2021, Trường Mầm non Hạnh Thông Tây có tất cả 17 nhóm, lớp học bao gồm: 01 nhóm cơm nát (19-24 tháng), 02 nhóm cơm thường (25-36 tháng), 04 lớp mầm (3-4 tuổi), 05 lớp chồi (4-5 tuổi) và 05 lớp lá (5-6 tuổi), đảm bảo phân chia số lớp theo đúng lứa tuổi quy định [H1-1.5-01].

b) Trường tổ chức 17 nhóm/lớp học bán trú [H1-1.5-01].

c) Trường không có trẻ khuyết tật học hòa nhập [H1-1.5-02].

Mức 2:

Tháng 7 năm 2021, Hiệu trưởng đã thực hiện kế hoạch tuyển sinh và số lượng trẻ em trong các nhóm, lớp năm học 2021-2022 không vượt quá quy định tại Điều lệ trường mầm non, được phân chia theo đúng độ tuổi [H1-1.5-01], cụ thể:

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Độ tuổi** | **Nhóm/lớp** | **Số trẻ hiện tại/giáo viên** | **Số trẻ vượt quá quy định** | **Số trẻ/01 giáo viên** | **Diện tích phòng học; số m2/trẻ** |
| 19-24 tháng | Nhóm Cơm nát | 20 trẻ/03 giáo viên | 0 trẻ | 6,6 trẻ/01 giáo viên | 80; 4m2/trẻ |
| 25-36 tháng | Nhóm Cơm thường 1 | 23 trẻ/02 giáo viên | 0 trẻ | 11,5 trẻ/01 giáo viên | 80; 3,5m2/trẻ |
| 25-36 tháng | Nhóm Cơm thường 2 | 23 trẻ/03 giáo viên | 0 trẻ | 7,6 trẻ/01 giáo viên | 80; 3,5m2/trẻ |
| 3-4 tuổi | Lớp Mầm 1 | 25 trẻ/02 giáo viên | 0 trẻ | 12,5 trẻ/01 giáo viên | 80; 3,2m2/trẻ |
| 3-4 tuổi | Lớp Mầm 2 | 25 trẻ/02 giáo viên | 0 trẻ | 12,5 trẻ/01 giáo viên | 80; 3,2m2/trẻ |
| 3-4 tuổi | Lớp Mầm 3 | 25 trẻ/02 giáo viên | 0 trẻ | 12,5 trẻ/01 giáo viên | 80; 3,2m2/trẻ |
| 3-4 tuổi | Lớp Mầm 4 | 25 trẻ/02 giáo viên | 0 trẻ | 12,5 trẻ/01 giáo viên | 80; 3,2m2/trẻ |
| 4-5 tuổi | Lớp Chồi 1 | 25 trẻ/02 giáo viên | 0 trẻ | 12,5 trẻ/01 giáo viên | 80; 3,2m2/trẻ |
| 4-5 tuổi | Lớp Chồi 2 | 25 trẻ/02 giáo viên | 0 trẻ | 12,5 trẻ/01 giáo viên | 80; 3,2m2/trẻ |
| 4-5 tuổi | Lớp Chồi 3 | 25 trẻ/02 giáo viên | 0 trẻ | 12,5 trẻ/01 giáo viên | 80; 3,2m2/trẻ |
| 4-5 tuổi | Lớp Chồi 4 | 25 trẻ/02 giáo viên | 0 trẻ | 12,5 trẻ/01 giáo viên | 80; 3,2m2/trẻ |
| 4-5 tuổi | Lớp Chồi 5 | 25 trẻ/02 giáo viên | 0 trẻ | 12,5 trẻ/01 giáo viên | 80; 3,2m2/trẻ |
| 5-6 tuổi | Lớp Lá 1 | 35 trẻ/02 giáo viên | 0 trẻ | 17,5 trẻ/01 giáo viên | 80; 2,3m2/trẻ |
| 5-6 tuổi | Lớp Lá 2 | 37 trẻ/02 giáo viên | 02 trẻ | 18,5 trẻ/01 giáo viên | 80; 2,2m2/trẻ |
| 5-6 tuổi | Lớp Lá 3 | 37 trẻ/02 giáo viên | 02 trẻ | 18,5 trẻ/01 giáo viên | 80; 2m2/trẻ |
| 5-6 tuổi | Lớp Lá 4 | 37 trẻ/02 giáo viên | 02 trẻ | 18,5 trẻ/01 giáo viên | 80; 2,2m2/trẻ |
| 5-6 tuổi | Lớp Lá 5 | 37 trẻ/02 giáo viên | 02 trẻ | 18,5 trẻ/01 giáo viên | 80; 2,2m2/trẻ |

Mức 3:

Nhà trường có 17 nhóm trẻ, lớp mẫu giáo: 03 nhóm trẻ, 14 lớp mẫu giáo, không quá 20 nhóm trẻ, lớp mẫu giáo phù hợp với quy định [H1-1.5-01]; [H1-1.5-02].

1. **Điểm mạnh**

Trường có 17/17 nhóm, lớp được phân chia theo đúng độ tuổi và tổ chức học 2 buổi/ngày.

1. **Điểm yếu**

Sĩ số trẻ ở 04 lớp lá còn vượt quy định tại Điều lệ trường mầm non (từ 02 trẻ/lớp).

**4. Kế hoạch cải tiến chất lượng**

Từ tháng 7 năm 2022, Hiệu trưởng sẽ xây dựng kế hoạch tuyển sinh và số lượng trẻ em trong các nhóm, lớp năm học 2022-2023 không vượt quy định tại Điều lệ trường mầm non.

1. **Tự đánh giá:** đạt Mức 2.

***Tiêu chí 1.6: Quản lý hành chính, tài chính và tài sản***

Mức 1:

*a) Hệ thống hồ sơ của nhà trường được lưu trữ theo quy định;*

*b) Lập dự toán, thực hiện quy chế thu chi, quyết toán, thống kê, báo cáo tài chính và tài sản; công khai và định kỳ tự kiểm tra tài chính, tài sản theo quy định; quy chế chi tiêu nội bộ được bổ sung, cập nhật phù hợp với điều kiện thực tế và các quy định hiện hành;*

*c) Quản lý, sử dụng tài chính, tài sản đúng mục đích và có hiệu quả để phục vụ các hoạt động giáo dục.*

Mức 2:

*a) Ứng dụng công nghệ thông tin hiệu quả trong công tác quản lý hành chính, tài chính và tài sản của nhà trường;*

*b) Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, không có vi phạm liên quan đến việc quản lý hành chính, tài chính và tài sản theo kết luận của thanh tra, kiểm toán.*

Mức 3:

*Có kế hoạch ngắn hạn, trung hạn, dài hạn để tạo ra các nguồn tài chính hợp pháp phù hợp với điều kiện nhà trường, thực tế địa phương.*

1. **Mô tả hiện trạng**

Mức 1:

a) Hệ thống hồ sơ của nhà trường được lưu trữ đầy đủ, khoa học theo quy định của Luật Lưu trữ số 01/2011/QH13 của Quốc hội ngày 11 tháng 11 năm 2011, hồ sơ luôn đáp ứng các tiêu chuẩn về dữ liệu thông tin đầu vào, bảo đảm tính kế thừa, tính thống nhất, độ xác thực, an toàn và khả năng truy cập, được bảo quản và sử dụng theo phương pháp chuyên môn, nghiệp vụ không để xảy ra tình trạng mất mát, thất lạc hồ sơ; hồ sơ gồm: sổ lưu trữ văn bản, công văn [H1-1.6-01]; hồ sơ quản lý tài chính [H1-1.6-02]; hồ sơ quản lý tài sản [H1-1.6-03].

b) Nhà trường lập dự toán, quy chế chi tiêu nội bộ được bổ sung, cập nhật phù hợp với điều kiện thực tế và các quy định hiện hành [H1-1.6-06]; thực hiện thu chi, quyết toán, thống kê, báo cáo tài chính và tài sản theo quy định của Luật Ngân sách Nhà nước số 01/2002/QH11 ngày 16/12/2002 của Quốc hội, Luật Kế toán số 03/2003/QH11 ngày 17/6/2003 của Quốc hội [H1-1.6-02]; [H1-1.6-03]. Hằng tháng, nhà trường công khai tài chính, tài sản cho cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên tại các buổi họp Hội đồng sư phạm [H1-1.6-04].

c) Nhà trường quản lý, sử dụng tài chính, tài sản đúng mục đích và có hiệu quả để phục vụ các hoạt động chăm sóc, giáo dục. Sau các đợt kiểm tra tài chính, tài sản, nhà trường luôn tổ chức rút kinh nghiệm cho bộ phận phụ trách thực hiện tốt hơn nhiệm vụ, có kế hoạch phân công giám sát sửa chữa đồ dùng, đồ chơi để sử dụng bền lâu, nhắc nhở các bộ phận có biện pháp bảo quản tài sản nhà trường [H1-1.6-03].

Mức 2:

a) Nhân viên ứng dụng tốt công nghệ thông tin trong việc sử dụng các phần mềm quản lý hành chính, tài chính và tài sản trong nhà trường: phần mềm kế toán Imas, phần mềm quản lý nhân sự Pmis, phần mềm quản lý nhân sự Epmis, phần mềm quản lý công chức, viên chức VPN cilent, phần mềm Bảo hiểm xã hội Viettel, phần mềm khai báo thuế T-Văn Thái Sơn [H1-1.6-07].

b) Trong 05 năm gần đây, nhà trường thực hiện tốt nguyên tắc hành chính, tài chính, tài sản và không có vi phạm liên quan đến việc quản lý hành chính, tài sản theo kết luận của đoàn kiểm tra tài chính, tài sản hằng năm [H1-1.6-05].

Mức 3:

Nhà trường chưa có kế hoạch ngắn hạn, trung hạn, dài hạn để tạo ra các nguồn tài chính phù hợp với điều kiện nhà trường, thực tế địa phương.

**2. Điểm mạnh**

Nhà trường thực hiện nghiêm túc các loại hồ sơ theo quy định tại điều 25 Điều lệ trường mầm non, hồ sơ được lưu trữ đầy đủ theo năm, dễ sử dụng. Ứng dụng công nghệ thông tin hiệu quả trong công tác quản lý tài chính, tài sản.

**3. Điểm yếu**

Nhà trường chưa có kế hoạch ngắn hạn, trung hạn, dài hạn để tạo ra các nguồn tài chính phù hợp với điều kiện nhà trường, thực tế địa phương.

**4. Kế hoạch cải tiến chất lượng**

Từ tháng 11 năm học 2021, Hiệu trưởng chỉ đạo bộ phận nhân viên phụ trách tài chính, tài sản thực hiện tốt nhiệm vụ và xây dựng kế hoạch ngắn hạn, trung hạn, dài hạn, bàn thảo trong Ban đại diện cha mẹ học sinh biện pháp để tạo ra các nguồn tài chính phù hợp với điều kiện nhà trường, thực tế địa phương cho năm 2021 - 2022.

**5. Tự đánh giá:** đạt Mức 2.

***Tiêu chí 1.7: Quản lý cán bộ, giáo viên và nhân viên***

Mức 1:

*a) Có kế hoạch bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ cho đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên và nhân viên**;*

*b) Phân công, sử dụng cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên rõ ràng hợp lý, đảm bảo hiệu quả hoạt động của nhà trường;*

*c) Cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên được đảm bảo các quyền theo quy định.*

Mức 2:

*Có biện pháp để phát huy được năng lực của cán bộ, giáo viên, nhân viên trong việc xây dựng, phát triển và nâng cao chất lượng giáo dục nhà trường*.

1. **Mô tả hiện trạng**

Mức 1:

a) Nhà trường có kế hoạch bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ cho đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên và nhân viên: trang trí môi trường giáo dục cho trẻ; rút kinh nghiệm việc thực hiện chuyên đề: “Tổ chức các hoạt động phát triển tình cảm và kỹ năng xã hội cho trẻ”; hướng dẫn “Xây dựng chương trình Giáo dục mầm non”; rút kinh nghiệm “Thực hiện chương trình Giáo dục mầm non”; thực hành thao tác sơ cấp cứu; đảm bảo an toàn, phòng chống tai nạn thương tích cho trẻ trong trường mầm non; phòng chống dịch bệnh trong trường mầm non;… [H1-1.7-01].

b) Trường phân công, sử dụng cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên theo đúng theo trình độ đào tạo, năng lực, năng khiếu của từng người đảm bảo hiệu quả hoạt động: giáo viên có tính năng động được phân công ở lớp mẫu giáo, giáo viên có kỹ năng chăm sóc trẻ nhỏ được phân công ở lớp nhà trẻ, giáo viên có khả năng hoạt ngôn được phân công làm dẫn chương trình, lên chuyên đề thao giảng, nhân viên có bằng trung cấp điều dưỡng được phân công phụ trách công tác y tế học đường, nhân viên có bằng đại học tài chính được phân công làm kế toán [H1-1.4-02].

c) Cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên được đảm bảo các quyền theo quy định tại khoản 1, 2, 3, 4, 5 và Điều 37 của Điều lệ trường mầm non (Thông tư số 52/2020/TT-BGDĐT ngày 31/12/2020 của Bộ Giáo dục và Đào tạo): được đảm bảo các điều kiện để thực hiện nhiệm vụ nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ em; được đào tạo nâng cao trình độ, bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ, được hưởng lương, phụ cấp và các chế độ khác theo quy định của pháp luật khi được cử đi học để nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ; được hưởng mọi quyền lợi về vật chất, tinh thần và được chăm sóc, bảo vệ sức khỏe theo chế độ, chính sách quy định đối với nhà giáo; được bảo vệ nhân phẩm, danh dự; được thực hiện các quyền khác theo quy định của pháp luật [H1-1.7-02]; [H1-1.7-03]; [H1-1.7-04].

Mức 2:

Nhà trường phân công nhiệm vụ rõ ràng, cụ thể cho từng thành viên dựa vào khả năng, sở trường, nguyện vọng, từ đó đã góp phần phát huy được năng lực của cán bộ, giáo viên, nhân viên trong việc xây dựng, phát triển và nâng cao chất lượng chăm sóc, giáo dục của nhà trường [H1-1.4-02]. Song song đó, nhà trường cũng tạo điều kiện cho đội ngũ học tập, bồi dưỡng nhằm nâng cao nghiệp vụ, phát huy năng lực. Tuy nhiên tinh thần tự học tập bồi dưỡng của 02 giáo viên còn hạn chế [H1-1.7-04].

**2**. **Điểm mạnh**

Nhà trường quản lý tốt cán bộ, giáo viên, nhân viên. Có kế hoạch bồi dưỡng và phân công, phân nhiệm phù hợp, đảm bảo quyền lợi của cán bộ, giáo viên, nhân viên theo quy định.

**3. Điểm yếu**

Tinh thần tự học tập bồi dưỡng của 02 giáo viên còn hạn chế.

**4. Kế hoạch cải tiến chất lượng**

Từ tháng 11 năm 2020, Hiệu trưởng tiếp tục thực hiện tốt công tác quản lý cán bộ, giáo viên, nhân viên và đề ra kế hoạch bồi dưỡng năng lực giảng dạy cho giáo viên hơn nhằm nâng cao chất lượng đội ngũ của nhà trường. Hiệu trưởng sẽ có hình thức khen thưởng, phê bình về tinh thần tự học tập bồi dưỡng của cán bộ, giáo viên, nhân viên.

**5. Tự đánh giá:** đạt Mức 2.

***Tiêu chí 1.8: Quản lý các hoạt động giáo dục***

Mức 1:

*a) Kế hoạch giáo dục phù hợp với quy định hiện hành, điều kiện thực tế địa phương và điều kiện của nhà trường;*

*b) Kế hoạch giáo dục được thực hiện đầy đủ;*

*c) Kế hoạch giáo dục được rà soát, đánh giá, điều chỉnh kịp thời.*

Mức 2:

*Các biện pháp chỉ đạo, kiểm tra, đánh giá của nhà trường đối với các hoạt động nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ được cơ quan quản lý đánh giá đạt hiệu quả.*

1. **Mô tả hiện trạng**

Mức 1:

a) Căn cứ phương hướng nhiệm vụ năm học của ngành học, cán bộ quản lý xây dựng kế hoạch năm học của đơn vị [H1-1.1-04] và kế hoạch giáo dục của nhà trường [H1-1.8-01] phù hợp với quy định hiện hành, điều kiện nhà trường.

b) Kế hoạch giáo dục được thực hiện đầy đủ các phần theo quy định từng lứa tuổi. Cán bộ quản lý kiểm tra giáo viên trong việc thực hiện kế hoạch đã đề ra [H1-1.4-07]; [H1-1.8-01]; [H1-1.8-02].

c) Trong quá trình kiểm tra, dự giờ, cán bộ quản lý luôn rà soát, đánh giá, điều chỉnh kế hoạch giảng dạy. Đôi lúc kết nối mạng nội bộ yếu không truyền được thông tin đã điều chỉnh kế hoạch giáo dục của cán bộ quản lý đến giáo viên kịp thời [H1-1.8-01].

Mức 2:

Nhà trường kiểm tra chỉ đạo, đánh giá đối với các hoạt động nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ bằng các biện pháp chỉ đạo như: thăm lớp, dự giờ giáo viên theo kế hoạch, báo trước và đột xuất để đánh giá giáo viên nhằm nâng cao hiệu quả nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ tại đơn vị. Qua việc rà soát, điều chỉnh, bồi dưỡng, đội ngũ có nhiều tiến bộ, đạt hiệu quả tốt các chuyên đề được giao, được Giám đốc Sở Giáo dục và Đào tạo tặng giấy khen: Thực hiện tốt chuyên đề “Hỗ trợ Chương trình giáo dục mầm non năm học 2017-2018”; “Xây dựng trường mầm non lấy trẻ làm trung tâm năm học 2019-2020” [H1-1.4-06]; [H1-1.8-02]; [H1-1.8-03].

**2.** **Điểm mạnh**

Nhà trường có kế hoạch quản lý tốt các hoạt động giáo dục, đạt hiệu quả trong quản lý.

**3. Điểm yếu**

Đôi lúc kết nối mạng nội bộ yếu không truyền được thông tin đã điều chỉnh kế hoạch giáo dục của cán bộ quản lý đến giáo viên kịp thời.

**4. Kế hoạch cải tiến chất lượng**

 Từ tháng 11 năm 2021, Hiệu trưởng hợp đồng nhân viên phụ trách kết nối mạng sửa chữa, bảo trì thường xuyên để bảo đảm hệ thống liên lạc được duy trì hiệu quả hơn.

**5. Tự đánh giá**: đạt Mức 2.

***Tiêu chí 1.9: Thực hiện quy chế dân chủ cơ sở***

Mức 1:

*a) Cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên được tham gia thảo luận, đóng góp ý kiến khi xây dựng kế hoạch, nội quy, quy định, quy chế liên quan đến các hoạt động của nhà trường;*

*b) Các khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh (nếu có) thuộc thẩm quyền xử lý của nhà trường được giải quyết đúng pháp luật;*

*c) Hàng năm, có báo cáo thực hiện quy chế dân chủ cơ sở.*

Mức 2:

*Các biện pháp và cơ chế giám sát việc thực hiện quy chế dân chủ trong nhà trường đảm bảo công khai, minh bạch và hiệu quả.*

1. **Mô tả hiện trạng**

Mức 1:

a) Cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên luôn được tham gia thảo luận, đóng góp ý kiến khi xây dựng kế hoạch, nội quy, quy định, quy chế liên quan đến các hoạt động của nhà trường. Nhà trường xây dựng Quy chế thực hiện dân chủ trong các hoạt động và được thống nhất cao thông qua ở Hội nghị cán bộ, công chức, viên chức hằng năm. Mọi hoạt động nhà trường được thực hiện thường xuyên và thể hiện tính dân chủ cao [H1-1.9-01].

b) Các hoạt động của nhà trường được thực hiện minh bạch, công khai đúng theo các quy chế, quy định, nội quy đã được bàn bạc, thảo luận và thống nhất nên không có trường hợp khiếu nại, tố cáo nào xảy ra trong đơn vị. Nhà trường có ghi nhận ý kiến của cha mẹ học sinh về việc xin điều chuyển học sinh từ lớp này sang lớp khác và đã được giải quyết hợp tình, hợp lý cho cha mẹ học sinh [H1-1.9-02]; [H1-1.9-04].

c) Hằng năm, nhà trường thực hiện báo cáo quy chế dân chủ cơ sở chính xác, đúng quy định, đúng thời gian. Hiệu trưởng triển khai báo cáo quy chế dân chủ cơ sở đến cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên thông qua Hội nghị cán bộ, công chức, viên chức [H1-1.7-02]; [H1-1.9-01].

Mức 2:

Các biện pháp và cơ chế giám sát việc thực hiện quy chế dân chủ trong nhà trường đảm bảo công khai, minh bạch, hiệu quả. Ban thanh tra Nhân dân thực hiện đầy đủ việc giám sát các kế hoạch, hoạt động của nhà trường, các nội dung thi đua, các kế hoạch xây dựng, mua sắm, sửa chữa đều được thông qua các bộ phận có liên quan. Kết quả tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, các ý kiến, kiến nghị, đều được minh bạch, kịp thời xử lý, chấn chỉnh các biểu hiện, hành vi vi phạm đạo đức nhà giáo, những hành vi sách nhiễu, xâm phạm lợi ích chính đáng và quyền của người dân, của cán bộ, giáo viên, viên chức, người lao động và người học; tuy nhiên thành viên Ban Thanh tra Nhân dân còn trẻ chưa có nhiều kinh nghiệm trong việc giám sát, đôi lúc còn lúng túng [H1-1.9-02]; [H1-1.9-03]; [H1-1.9-04].

**2. Điểm mạnh**

 Nhà trường thực hiện tốt quy chế dân chủ cơ sở.

**3. Điểm yếu**

Thành viên Ban Thanh tra Nhân dân còn trẻ chưa có nhiều kinh nghiệm trong việc giám sát, đôi lúc còn lúng túng trong xây dựng và tổ chức thực hiện kế hoạch.

**4. Kế hoạch cải tiến chất lượng**

Từ tháng 11 năm 2021, Hiệu trưởng sẽ tiếp tục phát huy hơn nữa việc thực hiện quy chế dân chủ cơ sở; tạo điều kiện cho các thành viên Ban thanh tra Nhân dân tham gia các lớp bồi dưỡng, tập huấn để cập nhật kiến thức và kinh nghiệm trong thực hiện nhiệm vụ.

**5. Tự đánh giá**: đạt Mức 2.

***Tiêu chí 1.10: Đảm bảo an ninh trật tự, an toàn trường học***

Mức 1:

*a) Có phương án đảm bảo an ninh trật tự, vệ sinh an toàn thực phẩm, an toàn phòng, chống tai nạn, thương tích; an toàn phòng chống cháy, nổ; an toàn phòng chống thảm họa, thiên tai; phòng, chống dịch bệnh; phòng chống các tệ nạn xã hội và phòng, chống bạo lực trong nhà trường; những trường có tổ chức bếp ăn cho trẻ được cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện an toàn thực phẩm;*

*b) Có hộp thư góp ý, đường dây nóng và các hình thức khác để tiếp nhận xử lý các thông tin phản ánh của người dân; đảm bảo an toàn cho cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên và trẻ trong nhà trường;*

*c) Không có hiện tượng kì thị, hành vi bạo lực, vi phạm pháp luật về bình đẳng giới trong nhà trường.*

Mức 2:

*a) Cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên và trẻ được phổ biến, hướng dẫn, thực hiện phương án đảm bảo an ninh trật tự; vệ sinh an toàn thực phẩm; an toàn phòng, chống tai nạn, thương tích; an toàn phòng chống cháy, nổ; an toàn phòng chống thảm họa, thiên tai; phòng, chống dịch bệnh; phòng chống các tệ nạn xã hội và phòng, chống bạo lực trong nhà trường;*

*b) Nhà trường thường xuyên kiểm tra, thu thập, đánh giá, xử lý các thông tin, biểu hiện liên quan đến bạo lực học đường, an ninh trật tự và có biện pháp ngăn chặn kịp thời, hiệu quả.*

**1. Mô tả hiện trạng**

Mức 1:

a) Từ đầu năm học, nhà trường xây dựng và triển khai đến đội ngũ phương án đảm bảo an ninh trật tự; phối hợp Công an và Trạm y tế Phường 11 về phương thức thực hiện để đảm bảo an toàn cho trẻ và cán bộ, giáo viên, nhân viên [H1-1.10-01]. Ngoài ra trường có trang bị 05 mắt camera đặt sân trường, sân chơi, nhà xe… để giúp quản lý quan sát tốt và chặt chẽ hơn, cũng như lắp đặt hệ thống báo trộm tự động để đảm bảo an ninh cho đơn vị [H1-1.10-01]. Có các phương án: Đảm bảo vệ sinh an toàn thực phẩm, bếp ăn cho trẻ được cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện an toàn thực phẩm [H1-1.10-02]; an toàn phòng, chống tai nạn, thương tích [H1-1.10-03]; phòng, chống dịch bệnh [H1-1.10-06]; an toàn phòng chống thảm họa, thiên tai [H1-1.10-05]; phòng chống các tệ nạn xã hội và phòng, chống bạo lực trong nhà trường [H1-1.10-07]; an toàn phòng, chống cháy, nổ [H1-1.10-04].

b) Nhà trường có hộp thư góp ý [H1-1.10-08]. Cán bộ quản lý kiểm tra hộp thư hằng tuần để nắm bắt thông tin phản ánh của cha mẹ học sinh, của cán bộ, giáo viên, nhân viên trong nhà trường. Từ năm 2016 đến nay, nhà trường chưa nhận được thư góp ý của cha mẹ học sinh, của cán bộ, giáo viên, nhân viên về các hoạt động của nhà trường; đảm bảo an toàn cho cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên và trẻ trong nhà trường: xây dựng kế hoạch, phương án an toàn thực phẩm [H1-1.10-02]; an toàn phòng, chống tai nạn, thương tích [H1-1.10-03]; phòng, chống dịch bệnh [H1-1.10-06]; an toàn phòng chống thảm họa, thiên tai [H1-1.10-05]; phòng chống các tệ nạn xã hội và phòng, chống bạo lực trong nhà trường [H1-1.10-07]; an toàn phòng, chống cháy, nổ [H1-1.10-04].

c) Đảm bảo công bằng trong đối xử, không có hiện tượng kì thị, hành vi bạo lực, vi phạm pháp luật về bình đẳng giới trong nhà trường [H1-1.10-06].

Mức 2:

a) Nhà trường tổ chức triển khai thực hiện phối hợp tốt với địa phương về các phương án: đảm bảo an ninh trật tự [H1-1.10-01]; vệ sinh an toàn thực phẩm [H1-1.10-02]; an toàn phòng, chống tai nạn, thương tích [H1-1.10-03]; phòng, chống dịch bệnh [H1-1.10-06]; an toàn phòng chống thảm họa, thiên tai [H1-1.10-05]; phòng chống các tệ nạn xã hội và phòng, chống bạo lực trong nhà trường [H1-1.10-07]; an toàn phòng, chống cháy, nổ và hằng năm trường có diễn tập phương án chữa cháy và cứu nạn - cứu hộ [H1-1.10-04].

b) Nhà trường phối hợp với cha mẹ học sinh tuyên truyền các quy phạm pháp luật, các chuẩn mực, đạo đức nhà giáo, văn hóa ứng xử nơi công cộng qua bản tin, trao đổi thông tin, kịp thời thu thập, đánh giá, phát hiện và xử lý các thông tin, biểu hiện liên quan đến bạo lực học đường, an ninh trật tự và có biện pháp ngăn chặn kịp thời, hiệu quả [H1-1.9.02]; [H1-1.10.9]. Tuy nhiên hình thức tuyên truyền các phương án đảm bảo an ninh trật tự, an toàn phòng chống tai nạn thương tích và an toàn thực phẩm đến cha mẹ học sinh chưa phong phú [H1-1.10.9].

1. **Điểm mạnh**

Nhà trường có xây dựng và triển khai các phương án đảm bảo an ninh trật tự; vệ sinh an toàn thực phẩm; an toàn phòng chống tai nạn, thương tích; an toàn phòng, chống cháy nổ; an toàn phòng, chống thảm họa thiên tai; phòng, chống dịch bệnh; phòng, chống các tệ nạn xã hội và phòng, chống bạo lực học đường cho toàn thể cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên.

**3. Điểm yếu**

Hình thức tuyên truyền các phương án đảm bảo an ninh trật tự, an toàn phòng, chống tai nạn, thương tích và an toàn thực phẩm đến cha mẹ học sinh chưa phong phú nên chưa thu hút hết các đối tượng.

**4. Kế hoạch cải tiến chất lượng**

Từ tháng 11 năm 2021, Hiệu trưởng duy trì hiệu quả đảm bảo an ninh trật tự, an toàn trường học; chỉ đạo cho Phó hiệu trưởng phụ trách chăm sóc nuôi dưỡng tiếp tục cải tiến hình thức tuyên truyền nâng cao hiệu quả phối hợp với phụ huynh trong việc đảm bảo an ninh trật tự; vệ sinh an toàn thực phẩm; an toàn phòng chống tai nạn, thương tích; an toàn phòng, chống cháy nổ; an toàn phòng, chống thảm họa thiên tai; phòng, chống dịch bệnh; phòng, chống các tệ nạn xã hội và phòng, chống bạo lực trong nhà trường cho toàn thể cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên. Đảm bảo an toàn trong trường học và nâng cao hiệu quả chất lượng cuộc sống.

**5. Tự đánh giá:** đạt Mức 2.

**Kết luận về Tiêu chuẩn 1:**

**Điểm mạnh nổi bật:**

Thực hiện tốt các biện pháp cải tiến công tác quản lý, chỉ đạo và tổ chức kiểm tra, đánh giá chất lượng về hiệu quả hoạt động chăm sóc giáo dục. Đảm bảo chế độ thông tin báo cáo, có theo dõi công văn đi, đến và lưu trữ văn bản. Trường có kế hoạch bồi dưỡng giáo viên nâng cao chuẩn trình độ chuyên môn, nghiệp vụ, quản lý giáo dục và trình độ lý luận chính trị. Các tổ chuyên môn thực hiện chuyên đề đạt hiệu quả.

Thành viên trong các hội đồng, các tổ chức đoàn thể làm tốt nhiệm vụ được giao, chủ động phối hợp tích cực tham gia phong trào phấn đấu vì mục tiêu chung.

**Điểm yếu cơ bản:**

Chưa có sự tham gia nhiều của cha mẹ học sinh và cộng đồng trong việc xây dựng phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển nhà trường.

Công tác phối hợp kiểm tra, rà soát theo định kỳ của các thành viên trong Hội đồng trường còn gặp nhiều khó khăn do nhân sự Hội đồng trường có thay đổi.

Hoạt động của Ban chấp hành Công đoàn đôi lúc còn thiếu sự sáng tạo.

Hoạt động của tổ văn phòng do có nhiều bộ phận và 9/15 thành viên chưa được đào tạo, bồi dưỡng chuyên sâu về nghiệp vụ đảm trách nên chưa đề xuất ý kiến chuyên môn sâu, các biện pháp sáng tạo trong các buổi sinh hoạt tổ.

Sĩ số trẻ ở 04 lớp lá còn vượt quy định tại Điều lệ trường mầm non (từ 02 trẻ/lớp).

Nhà trường chưa có kế hoạch ngắn hạn, trung hạn, dài hạn để tạo ra các nguồn tài chính phù hợp với điều kiện nhà trường, thực tế địa phương.

Tinh thần tự học tập bồi dưỡng của 02 giáo viên còn hạn chế.

Đôi lúc kết nối mạng nội bộ yếu không truyền được thông tin đã điều chỉnh kế hoạch giáo dục của cán bộ quản lý đến giáo viên kịp thời.

Ban thanh tra Nhân dân làm công tác kiêm nhiệm nên còn hạn chế về thời gian để chủ động nghiên cứu tài liệu và thực hiện kế hoạch giám sát, theo dõi tiến độ.

Hình thức tuyên truyền các phương án đảm bảo an ninh trật tự, an toàn phòng, chống tai nạn, thương tích và an toàn thực phẩm đến cha mẹ học sinh chưa phong phú nên chưa thu hút hết các đối tượng.

**Số lượng tiêu chí đạt yêu cầu:** 10/10.

**Số lượng tiêu chí không đạt yêu cầu:** 00/10.

**Tiêu chuẩn 2: Cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên**

**Mở đầu:**

Trường Mầm non Hạnh Thông Tây từ ngày thành lập trường đến nay luôn hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao, đó chính là nhờ sự nhiệt tình, tinh thần trách nhiệm cao của cán bộ, giáo viên và nhân viên. Cán bộ quản lý nhà trường có năng lực quản lý, năng lực chuyên môn và luôn năng động trong công việc, có sự đoàn kết, thống nhất cao, cùng phối hợp hoàn thành nhiệm vụ. Giáo viên có tinh thần học tập nâng cao trình độ nghiệp vụ chuyên môn, chính trị, nhiệt tình tham gia vào các hoạt động của nhà trường và tích cực ứng dụng công nghệ thông tin trong các hoạt động giáo dục. Các thành viên trong trường có tinh thần trách nhiệm, ý thức cao trong công việc, được hưởng mọi quyền lợi về vật chất, tinh thần theo quy định của pháp luật. Hằng năm nhà trường đều tổ chức đánh giá xếp loại cán bộ quản lý, giáo viên theo chuẩn Hiệu trưởng, chuẩn Phó hiệu trưởng, chuẩn nghề nghiệp giáo viên mầm non; nhân viên được đánh giá xếp loại theo đúng quy trình; đóng góp ý kiến bỏ phiếu tín nhiệm cho cán bộ đương chức và cán bộ kế cận đúng quy định.

***Tiêu chí 2.1: Đối với hiệu trưởng, phó hiệu trưởng***

Mức 1:

1. *Đạt tiêu chuẩn theo quy định;*
2. *Được đánh giá đạt chuẩn hiệu trưởng trở lên;*
3. *Được bồi dưỡng, tập huấn về chuyên môn, nghiệp vụ quản lý giáo dục theo quy định.*

Mức 2:

1. *Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá có ít nhất 02 năm được đánh giá đạt chuẩn hiệu trưởng ở mức khá trở lên;*
2. *Được bồi dưỡng, tập huấn về lý luận chính trị theo quy định; được giáo viên, nhân viên trong trường tín nhiệm.*

Mức 3:

*Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, đạt chuẩn hiệu trưởng ở mức khá trở lên, trong đó có ít nhất 01 năm đạt chuẩn hiệu trưởng ở mức tốt*.

**1. Mô tả hiện trạng**

 Mức 1:

a) Hiệu trưởng Hiệu trưởng là cử nhân giáo dục mầm non, thạc sĩ quản lý giáo dục, có trình độ trung cấp lý luận chính trị - hành chính có thời gian công tác 31 năm (17 năm làm công tác quản lý); 02 Phó Hiệu trưởng đều là cử nhân giáo dục mầm non, cử nhân quản lý giáo dục mầm non, có trình độ trung cấp lý luận chính trị **-** hành chính; Phó Hiệu trưởng phụ trách chăm sóc giáo dục có thời gian công tác 17 năm (02 năm làm công tác quản lý); Phó Hiệu trưởng phụ trách chăm sóc nuôi dưỡng có thời gian công tác 14 năm (04 năm làm công tác quản lý) [H2-2.1-01].

b) Hằng năm, cán bộ quản lý được Phòng Giáo dục và Đào tạo; giáo viên, nhân viên nhận xét đánh giá xếp loại đạt xuất sắc, tốt theo quy định Chuẩn Hiệu trưởng mầm non và hướng dẫn thực hiện kèm theo Thông tư 17/2011/TT-BGDĐT ngày 14 tháng 04 năm 2011 quy định về Chuẩn hiệu trưởng mầm non; văn bản số 1222/GDĐT-TC ngày 15 tháng 05 năm 2012 hướng dẫn đánh giá, xếp loại Phó Hiệu trưởng các trường mầm non, phổ thông và Phó Giám đốc các trung tâm giáo dục thường xuyên. Năm học 2018-2019, 2020-2021, Hiệu trưởng, Phó Hiệu trưởng tự đánh giá xếp loại khá theo Thông tư 25/2018/TT-BGDĐT ngày 08 tháng 10 năm 2018 quy định về Chuẩn hiệu trưởng cơ sở giáo dục mầm non; văn bản số 1182/GDĐT-TC ngày 23 tháng 04 năm 2020 hướng dẫn thực hiện đánh giá, Chuẩn hiệu trưởng cơ sở giáo dục mầm non; năm học 2019-2020 hiệu trưởng được Phòng Giáo dục và Đào tạo quận Gò Vấp đánh giá xếp loại tốt, Phó Hiệu trưởng được đánh giá xếp loại khá [H2-2.1-02].

c) Năm 2013, Hiệu trưởng tham gia lớp Cao học quản lý giáo dục và 02 Phó Hiệu trưởng đã tham gia lớp cử nhân quản lý [H2-2.1-01]. Hằng năm, Hiệu trưởng và Phó Hiệu trưởng đều được tham gia các lớp bồi dưỡng chuyên môn, được Tổ mầm non Phòng Giáo dục và Đào tạo tạo điều kiện dự giờ thao giảng ở các trường trong thành phố để học hỏi nâng cao chất lượng chuyên môn: chuyên đề “Xây dựng trường mầm non lấy trẻ làm trung tâm”; “Tổ chức các hoạt động phát triển tình cảm và kỹ năng xã hội cho trẻ” [H1-1.4-07].

 Mức 2:

a) Trong 05 năm liên tiếp, Hiệu trưởng, Phó Hiệu trưởng được Phòng Giáo dục và Đào tạo xếp loại và tự đánh giá [H2-2.1-01] như sau:

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
|  | **Năm học 2016-2017** | **Năm học 2017-2018** | **Năm học 2018-2019** | **Năm học 2019-2020** | **Năm học 2020-2021** |
| Hiệu trưởng | Xuất sắc | Xuất sắc | Khá | Tốt | Khá |
| Phó hiệu trưởng chăm sóc nuôi dưỡng | Tốt | Tốt | Khá | Khá | Khá |
| Phó hiệu trưởng chăm sóc giáo dục | Tốt | Tốt | Khá | Khá | Khá |

b) Hiệu trưởng và 02 Phó Hiệu trưởng có trình độ trung cấp lý luận chính trị **-** hành chính theo quy định [H2-2.1-01], có phẩm chất đạo đức tốt, luôn quan tâm gần gũi chia sẻ đến từng cá nhân trong đơn vị, được giáo viên, nhân viên tín nhiệm. 01 Phó Hiệu trưởng mới chuyển từ khâu chăm sóc giáo dục qua khâu chăm sóc nuôi dưỡng nên chưa có nhiều kinh nghiệm trong công tác đảm nhiệm [H2-2.1-03].

 Mức 3:

 Trong 05 năm liên tiếp, Hiệu trưởng được Phòng Giáo dục và Đào tạo quận Gò Vấp xếp loại xuất sắc 02 năm (từ năm học 2016-2017, 2017-2018); tốt 01 năm (năm học 2019-2020); năm học 2018-2019, 2020-2021 tự đánh giá mức khá [H2-2.1-02].

**2. Điểm mạnh**

Cán bộ quản lý của trường đạt các yêu cầu theo quy định của Điều lệ trường mầm non. Được bồi dưỡng, tập huấn về chuyên môn, nghiệp vụ quản lý giáo dục theo quy định. Cuối năm học, cán bộ quản lý được Phòng Giáo dục và Đào tạo quận Gò Vấp; giáo viên, nhân viên nhận xét đánh giá xếp loại đạt từ khá trở lên theo quy định Chuẩn Hiệu trưởng mầm non. Có tinh thần trách nhiệm cao, năng động, sáng tạo trong lãnh đạo và quản lý.

**3. Điểm yếu**

01 Phó Hiệu trưởng mới chuyển từ khâu chăm sóc giáo dục qua khâu chăm sóc nuôi dưỡng nên chưa có nhiều kinh nghiệm trong công tác đảm nhiệm.

**4. Kế hoạch cải tiến chất lượng**

Tháng 11 năm 2021, Phó Hiệu trưởng chăm sóc giáo dục tham gia lớp cao học quản lý giáo dục để nâng cao nghiệp vụ quản lý; Phó Hiệu trưởng chăm sóc nuôi dưỡng học tập thêm từ cấp trên, đồng nghiệp về công tác quản lý khâu chăm sóc nuôi dưỡng.

**5. Tự đánh giá:** đạt Mức 2.

***Tiêu chí 2.2: Đối với giáo viên***

Mức 1:

1. *Có đội ngũ giáo viên đủ về số lượng, hợp lý về cơ cấu đảm bảo thực hiện Chương trình giáo dục mầm non theo quy định;*
2. *100% giáo viên đạt chuẩn* *trình độ đào tạo theo quy định;*
3. *Có ít nhất 95% giáo viên đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên ở mức đạt trở lên.*

Mức 2:

1. *Tỉ lệ giáo viên đạt trên chuẩn trình độ đào tạo đạt ít nhất 55%; đối các trường thuộc vùng khó khăn đạt ít nhất 40%; trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, tỷ lệ giáo viên trên chuẩn trình độ đào tạo được duy trì ổn định và tăng dần theo lộ trình phù hợp;*
2. *Trong 05 liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, có 100% giáo viên đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên ở mức đạt trở lên, trong đó có ít nhất 60% đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên ở mức khá trở lên và ít nhất 50% ở mức khá trở lên đối với đối với trường thuộc vùng khó khăn;*
3. *Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, không có giáo viên bị kỷ luật từ hình thức cảnh cáo trở lên.*

Mức 3:

*a) Tỷ lệ giáo viên đạt trên chuẩn trình độ đào tạo đạt ít nhất 65%, đối với các trường thuộc vùng khó khăn đạt ít nhất 50%;*

*b) Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, có ít nhất 80% giáo viên đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên ở mức khá trở lên, trong đó có ít nhất 30% giáo viên đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên ở mức tốt; đối với trường thuộc vùng khó khăn có ít nhất 70% đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên ở mức khá trở lên, trong đó có ít nhất 20% đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên ở mức tốt*.

**1. Mô tả hiện trạng**

Mức 1:

a) Năm học 2020 - 2021, nhà trường có 36 giáo viên/17 nhóm lớp, đủ số lượng giáo viên theo quy định tại Thông tư số 06/2015/TTLT-BGDĐT-BNV ngày 16/3/2015 của Bộ Giáo dục và Đào tạo [H2-2.1-01]; [H2-2.2-01].

b) Năm học 2020 - 2021, nhà trường có 36/36 (100%) giáo viên đạt trình độ chuẩn được đào tạo, trong đó 27/36 giáo viên trình độ trên chuẩn đạt tỷ lệ 75% [H2-2.1-01]. Cụ thể trình độ đào tạo trong 5 năm của giáo viên như sau:

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
|  | **Năm học 2016 - 2017** | **Năm học 2017 - 2018** | **Năm học 2018 - 2019** | **Năm học 2019 -2020** | **Năm học 2020 - 2021** |
| Thạc sĩ | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 |
| Đại học | 14 | 15 | 19 | 23 | 27 |
| Cao đẳng | 12 | 13 | 12 | 11 | 09 |
| Trung cấp | 12 | 09 | 06 | 01 | 0 |

c) Năm học 2020 - 2021, nhà trường có 36/36 (100%) giáo viên đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên ở mức đạt trở lên, trong đó có 09/36 (25%) giáo viên đạt mức khá [H2-2.2-02]. Cụ thể Chuẩn nghề nghiệp giáo viên trong 5 năm như sau:

|  |  |
| --- | --- |
| **Năm học** | **Xếp loại chuẩn nghề nghiệp giáo viên** |
| 2016-2017 | Xuất sắc: 13/35 (Tỉ lệ: 37,14%) | Khá: 13/35(Tỉ lệ: 37,14%) | Trung bình: 09/35(Tỉ lệ: 25,72%) |
| 2017- 2018 | Xuất sắc: 12/37 (Tỉ lệ: 32,43%) | Khá: 18/37(Tỉ lệ: 48,64%) | Trung bình: 07/37(Tỉ lệ: 18,93%) |
| 2018-2019 | Tốt: 0/37(Tỉ lệ: 0%) | Khá: 23/37 (Tỉ lệ: 62,2%) | Đạt: 14/37 (Tỉ lệ: 37,8%) |
| 2019-2020 | Tốt: 0/35(Tỉ lệ: 0%) | Khá: 24/35(Tỉ lệ: 68,6%) | Đạt: 11/35(Tỉ lệ: 31,4%) |
| 2020-2021 | Tốt: 02/36(Tỉ lệ: 5,6%) | Khá: 25/36(Tỉ lệ: 69,4%) | Đạt: 09/36 (Tỉ lệ: 25%) |

Mức 2:

a) Năm học 2020 – 2021, giáo viên đạt chuẩn về trình độ đào tạo chiếm tỉ lệ 100%, trong đó: 27/36 giáo viên trình độ Đại học sư phạm mầm non chiếm tỉ lệ 75%; 09/36 giáo viên trình độ Cao đẳng sư phạm mầm non chiếm tỉ lệ 25%. Tỉ lệ giáo viên trên chuẩn trình độ đào tạo được duy trì ổn định và tăng dần theo lộ trình bồi dưỡng [H2-2.2-01].

b) Trong 05 năm liên tiếp tính từ thời điểm đánh giá, có 100% giáo viên đạt Chuẩn nghề nghiệp giáo viên ở mức đạt trở lên cụ thể như sau: năm học 2016 - 2017; 2017 - 2018 có 100% giáo viên đạt Chuẩn nghề nghiệp ở mức trung bình trở lên; năm học 2018 – 2019, 2019 – 2020 có 100% giáo viên đạt chuẩn nghề nghiệp ở mức đạt trở lên; năm học 2020 – 2021 có 02/36 giáo viên đạt chuẩn nghề nghiệp ở mức tốt chiếm tỉ lệ: 5,6%; 25/36 giáo viên đạt chuẩn nghề nghiệp ở mức khá chiếm tỉ lệ: 69,4%.

c) Trong năm học 2017 - 2018, có 01 giáo viên bị kỷ luật ở hình thức khiển trách [H2-2.2-03].

Mức 3:

a) Trình độ đào tạo đạt trên chuẩn của giáo viên đạt mức quy định, năm học 2020 - 2021 có 27/36 giáo viên, tỉ lệ 75%; giáo viên đạt chuẩn về trình độ chuyên môn đạt tỉ lệ 100%, trong đó có 27/36 giáo viên trình độ Đại học sư phạm mầm non, tỉ lệ 75%; 09/36 giáo viên trình độ Cao đẳng sư phạm mầm non, tỉ lệ 25% [H2-2.2-01].

b) Hằng năm tỉ lệ giáo viên được đánh giá xếp loại Chuẩn nghề nghiệp giáo viên mầm non mức trung bình trở lên: năm học 2016 - 2017; 2017-2018 có 100% giáo viên đạt chuẩn nghề nghiệp ở mức trung bình trở lên. Năm học 2020-2021 có 02/36, tỉ lệ: 5,6% giáo viên đạt chuẩn nghề nghiệp ở mức tốt; 25/36 giáo viên, tỉ lệ: 69,4% đạt chuẩn nghề nghiệp ở mức khá [H2-2.2-02]. Tỉ lệ giáo viên đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên ở mức tốt còn thấp [H2-2.2-02].

**2. Điểm mạnh**

Trường đảm bảo đủ số lượng giáo viên theo quy định, trình độ đào tạo đạt chuẩn 36/36 giáo viên, tỉ lệ 100%; trên chuẩn 27/36 giáo viên, tỉ lệ 75%; đạt mức quy định đáp ứng yêu cầu nhân sự theo Điều lệ trường mầm non.

**3. Điểm yếu:**

Tỉ lệ giáo viên đạt Chuẩn nghề nghiệp giáo viên ở mức tốt còn thấp. Trong năm học 2017 - 2018, có 01 giáo viên bị kỷ luật ở hình thức khiển trách.

**4. Kế hoạch cải tiến chất lượng**

Từ tháng 12 năm 2021, Hiệu trưởng tạo điều kiện cho 09 giáo viên tham gia học nâng chuẩn lên Đại học sư phạm. Có kế hoạch tiếp tục bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ nâng cao tay nghề; tạo điều kiện cho giáo viên học tập nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ. Phấn đấu đến năm 2025 trình độ chuyên môn của giáo viên đạt 100% trên chuẩn đáp ứng theo yêu cầu phát triển của nhà trường. Đồng thời, cán bộ quản lý sẽ có kế hoạch bồi dưỡng nâng cao chất lượng giáo viên theo chuẩn nghề nghiệp giáo viên mầm non và kiểm tra, giám sát giáo viên sâu sát hơn để tránh tình trạng vi phạm kỷ luật.

**5. Tự đánh giá:** đạt Mức 2.

***Tiêu chí 2.3: Đối với nhân viên***

Mức 1:

1. *Có nhân viên hoặc giáo viên kiêm nhiệm để đảm nhiệm các nhiệm vụ do hiệu trưởng phân công;*
2. *Được phân công công việc phù hợp, hợp lý theo năng lực;*
3. *Hoàn thành nhiệm vụ được giao.*

Mức 2:

1. *Số lượng và cơ cấu nhân viên đảm bảo theo quy định;*
2. *Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá không có nhân viên bị kỷ luật từ hình thức cảnh cáo trở lên.*

Mức 3:

1. *Có trình độ đào tạo đáp ứng được vị trí việc làm;*
2. *Hằng năm, được tham gia đầy đủ các lớp tập huấn, bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ theo vị trí việc làm.*

**1. Mô tả hiện trạng**

Mức 1:

a) Theo quy định tại Thông tư số 06/2015/TTLT-BGDĐT-BNV ngày 16 tháng 03 năm 2015 quy định về danh mục khung vị trí việc làm và định mức số lượng người làm việc trong cơ sở giáo dục mầm non công lập, Hiệu trưởng căn cứ khối lượng công việc thực tế của từng bộ phận để xây dựng đề án vị trí việc làm, trình cơ quan có thẩm quyền phê duyệt [H1-1.4-02]; [H2-2.3-01].

b) Nhân viên được phân công phù hợp theo trình độ đào tạo: 01 nhân viên trình độ Đại học tài chính làm nhân viên kế toán, 01 nhân viên trình độ Trung cấp điều dưỡng làm nhân viên y tế; 04 nhân viên có trình độ Sơ cấp dinh dưỡng làm nhân viên nấu ăn, 02 nhân viên tốt nghiệp phổ thông cơ sở làm nhân viên phụ bếp, 06 nhân viên tốt nghiệp phổ thông cơ sở làm nhân viên phục vụ, 02 nhân viên bảo vệ tốt nghiệp phổ thông cơ sở [H1-1.4-02]; [H2-2.3-02], có tham gia các đợt tập huấn an ninh và phòng cháy chữa cháy [H2-2.3-04].

c) Nhân viên làm việc với tinh thần trách nhiệm cao, luôn hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao [H2-2.3-03].

Mức 2:

 a) Nhà trường có đủ số lượng nhân viên theo quy định căn cứ Thông tư liên tịch số 06/2015/TTLT-BGDĐT-BNV ngày 16 tháng 03 năm 2015 giữa Bộ Giáo dục Đào tạo và Bộ Nội vụ, hướng dẫn định mức biên chế sự nghiệp trong các cơ sở giáo dục mầm non công lập, là diện trường hạng I có bố trí: 01 nhân viên kế toán, 01 nhân viên văn thư, 01 nhân viên y tế, 01 nhân viên thủ quỹ, 09 nhân viên nuôi dưỡng; 02 bảo vệ [H1-1.4-02]; [H2-2.3-01]. Cuối năm học 2020-2021 có 02 nhân viên nuôi dưỡng nghỉ hưu, 02 nhân viên nuôi dưỡng nghỉ việc. Tháng 10/2021, Hiệu trưởng ký hợp đồng với 04 nhân viên nuôi dưỡng.

b) Trong 05 năm liên tiếp không có nhân viên bị kỷ luật [H1-1.1-03].

Mức 3:

a) Nhân viên được phân công phù hợp theo trình độ đào tạo: 01 nhân viên trình độ đại học tài chính làm nhân viên kế toán, 01 nhân viên trình độ Trung cấp điều dưỡng làm nhân viên y tế; 04 nhân viên có trình độ Sơ cấp dinh dưỡng làm nhân viên nấu ăn, 02 nhân viên tốt nghiệp phổ thông cơ sở làm nhân viên phụ bếp, 06 nhân viên tốt nghiệp phổ thông cơ sở làm nhân viên phục vụ, 02 nhân viên bảo vệ tốt nghiệp phổ thông cơ sở [H1-1.4-02]; [H2-2.3-02], có tham gia các đợt tập huấn an ninh và phòng cháy chữa cháy [H2-2.3-04].

b) Hằng năm, nhân viên được tham gia tập huấn, bồi dưỡng theo từng vị trí đảm nhiệm: tập huấn chăm sóc sức khỏe phòng dịch bệnh cho nhân viên y tế, nghiệp vụ kế toán, nghiệp vụ văn thư, kỹ năng phòng cháy chữa cháy cho bảo vệ, kỹ thuật nấu ăn, vệ sinh an toàn thực phẩm cho nhân viên nấu ăn [H2-2.3-04].

**2. Điểm mạnh**

Đội ngũ nhân viên có số lượng theo quy định và có tinh thần ý thức trách nhiệm cao, luôn hỗ trợ, phối hợp thực hiện nhiệm vụ theo sự phân công, hoàn thành tốt công tác được giao.

**3. Điểm yếu**

Còn 02 nhân viên phụ bếp chưa có chứng nhận nghiệp vụ nấu ăn.

**4. Kế hoạch cải tiến chất lượng**

Từ tháng 11 năm 2021, Hiệu trưởng tiếp tục duy trì đủ số lượng người làm việc các bộ phận. Đồng thời, Hiệu trưởng sẽ tạo điều kiện cho nhân viên phụ bếp học tập nghiệp vụ nhằm đáp ứng yêu cầu công việc tốt hơn.

**5. Tự đánh giá:** đạt Mức 2.

**Kết luận về Tiêu chuẩn 2:**

**Điểm mạnh nổi bật:**

Nhà trường có đầy đủ cán bộ, giáo viên, nhân viên theo đúng quy định Điều lệ trường mầm non. Cán bộ quản lý có năng lực quản lý giáo dục vững vàng, giáo viên, nhân viên có năng lực chuyên môn thực hiện đúng nhiệm vụ được giao. Công tác nâng chuẩn nhà trường đạt 27/36 giáo viên tỉ lệ 75% đáp ứng công tác chăm sóc, giáo dục trẻ.

Toàn thể cán bộ, giáo viên, nhân viên nhà trường được quan tâm và đảm bảo các chế độ chính sách theo đúng pháp luật ban hành.

**Điểm yếu cơ bản**

01 Phó Hiệu trưởng mới chuyển từ khâu chăm sóc giáo dục qua khâu chăm sóc nuôi dưỡng nên chưa có nhiều kinh nghiệm trong công tác đảm nhiệm.

Tỉ lệ giáo viên đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên ở mức tốt còn thấp. Trong năm học 2017 - 2018, có 01 giáo viên bị kỷ luật ở hình thức khiển trách.

Nhân viên nuôi dưỡng chưa có bằng Trung cấp dinh dưỡng.

**Số lượng tiêu chí đạt yêu cầu:** 03/03.

**Số lượng tiêu chí không đạt yêu cầu:** 00/03.

**Tiêu chuẩn 3: Cơ sở vật chất và thiết bị dạy học**

**Mở đầu**

Cơ sở vật chất của nhà trường được đầu tư, cải tạo ngày càng khang trang, hiện đại; các thiết bị, đồ dùng đồ chơi trong lớp và ngoài trời theo tiêu chuẩn do Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành được trang bị đầy đủ để đáp ứng yêu cầu nâng cao chất lượng giáo dục hiện nay. Lớp học của trẻ có đủ ánh sáng, bếp ăn được xây dựng theo đúng quy trình bếp một chiều, khuôn viên nhà trường, sân vườn và khu vực cho trẻ chơi đảm bảo theo yêu cầu quy định.

***Tiêu chí 3.1: Diện tích, khuôn viên và sân vườn***

Mức 1:

1. *Diện tích khu đất xây dựng hoặc diện tích sàn xây dựng bình quân tối thiểu cho một trẻ đảm bảo theo quy định;*
2. *Có cổng, biển tên trường, tường hoặc hàng rào bao quanh; khuôn viên đảm bảo vệ sinh, phù hợp cảnh quan, môi trường thân thiện và an toàn cho trẻ;*
3. *Có sân chơi, hiên chơi, hành lang của nhóm, lớp; sân chơi chung; sân chơi- cây xanh bố trí phù hợp với điều kiện của nhà trường, an toàn, đảm bảo cho tất cả trẻ được sử dụng.*

Mức 2:

1. *Diện tích xây dựng công trình và diện tích sân vườn đảm bảo theo qui định;*
2. *Khuôn viên có tường bao ngăn cách với bên ngoài; có sân chơi của nhóm, lớp; có nhiều cây xanh tạo bóng mát sân trường, thường xuyên được chăm sóc, cắt tỉa đẹp; có vườn cây dành riêng cho trẻ chăm sóc, bảo vệ và tạo cơ hội cho trẻ khám phá và học tập;*
3. *Khu vực trẻ chơi có đủ thiết bị và đồ chơi ngoài trời theo qui định; có rào chắn an toàn ngăn cách với ao, hồ (nếu có).*

Mức 3:

*Sân vườn có khu vực riêng để thực hiện các hoạt động giáo dục phát triển vận động, có đủ loại thiết bị và đồ chơi ngoài trời theo Danh mục thiết bị và đồ chơi ngoài trời cho giáo dục mầm non do Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành và có bổ sung thiết bị đồ chơi ngoài Danh mục phù hợp với thực tế, đảm bảo an toàn cho trẻ.*

**1. Mô tả hiện trạng**

Mức 1:

a) Trường Mầm non Hạnh Thông Tây được xây dựng và đưa vào sử dụng từ tháng 9/2013 với tổng diện tích là 6.570m², đảm bảo diện tích bình quân tối thiểu cho 643 trẻ là 10,2m²/trẻ [H3-3.1-01].

b) Biển tên trường làm bằng mica được đặt ở cổng chính, chắc chắn [H3-3.1-02]. Xung quanh trường có tường bao, cây xanh trong khuôn viên trường được bố trí hài hòa, được chăm sóc và cắt tỉa tạo bóng mát, tạo cảnh quan xanh, sạch, đẹp, môi trường thân thiện và an toàn cho trẻ [H3-3.1-02].

c) Trường có sân chơi rộng rãi, thoáng mát; hiên chơi, hành lang của các lớp sạch sẽ, thuận tiện cho trẻ hoạt động. Trường có cây xanh, vườn rau dành riêng cho trẻ ươm cây, chăm sóc giúp trẻ khám phá [H3-3.1-02].

Mức 2:

a) Diện tích xây dựng công trình là 2.628m², tỉ lệ 40%; diện tích sân vườn 1.759m², tỉ lệ 66,9%, đảm bảo diện tích xây dựng công trình và diện tích sân chơi đảm bảo theo Tiêu chuẩn quốc gia TCVN 3907:2011 về yêu cầu thiết kế trường mầm non [H3-3.1-01].

b) Khuôn viên có tường bao ngăn cách với bên ngoài; có sân chơi của nhóm, lớp; có nhiều cây xanh tạo bóng mát sân trường, thường xuyên được chăm sóc, cắt tỉa đẹp; vườn cây, vườn rau xanh của bé được phân chia theo khu vực: cây ăn trái, vườn rau ăn lá, rau ăn quả dành riêng cho trẻ học tập và khám phá môi trường thiên nhiên, tạo điều kiện cho trẻ chăm sóc cây, trồng rau, thu hoạch rau, giáo dục trẻ ham thích lao động, yêu thiên nhiên [H3-3.1-02].

c) Khu vực sân chơi ngoài trời của bé được lót gạch, trải thảm nhằm đảm bảo an toàn cho trẻ khi chơi, có đa dạng các loại đồ chơi ngoài trời như chơi cát, chơi nước, cầu tuột, xích đu đa năng, leo núi, đồ chơi liên hoàn, thang dây, thang leo, đu xà… đạt mục tiêu giáo dục, đồng thời giúp trẻ hứng thú và tích cực hoạt động [H3-3.1-02]; [H3-3.1-03].

Mức 3:

Sân vườn có khu vực riêng cho trẻ chơi vận động với các loại đồ chơi ngoài trời như chơi cát, chơi nước, bập bênh, cầu tuột, xích đu đa năng, leo núi, đồ chơi liên hoàn, thang dây, thang leo, đu xà [H3-3.1-02] theo danh mục thiết bị và đồ chơi ngoài trời do Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành, đạt mục tiêu giáo dục, đồng thời giúp trẻ hứng thú và tích cực hoạt động. Nhà trường có bổ sung đồ chơi ngoài danh mục, đồ chơi vận động và đồ chơi dân gian do giáo viên tự làm để giúp trẻ tăng cường vận động ngoài trời. Tuy nhiên đồ chơi tự làm cho trẻ chơi trò chơi dân gian chưa được bền [H3-3.1-02]; [H3-3.1-03].

**2. Điểm mạnh**

Trường được xây dựng kiên cố, đẹp, thoáng mát, có đủ diện tích cho trẻ hoạt động. Trường có sân chơi, sân vườn và đồ chơi ngoài trời cho trẻ tăng cường vận động.

**3. Điểm yếu**

Đồ chơi tự làm cho trẻ chơi trò chơi dân gian chưa được bền.

**4. Kế hoạch cải tiến chất lượng**

Hằng quý, Phó Hiệu trưởng sẽ sưu tầm vật liệu bền để hướng dẫn giáo viên làm thêm đồ chơi ngoài danh mục cho trẻ.

**5. Tự đánh giá:** đạt Mức 2.

***Tiêu chí 3.2: Khối phòng nhóm trẻ, lớp mẫu giáo và khối phòng phục vụ học tập***

Mức 1:

1. *Số phòng của các nhóm trẻ, lớp mẫu giáo tương ứng với số nhóm, lớp theo độ tuổi;*
2. *Có phòng sinh hoạt chung, phòng ngủ (có thể dùng phòng sinh hoạt chung làm phòng ngủ đối với lớp mẫu giáo); có phòng để tổ chức hoạt động giáo dục thể chất, giáo dục nghệ thuật hoặc phòng đa chức năng, đảm bảo đáp ứng được nhu cầu tối thiểu hoạt động nuôi dưỡng chăm sóc và giáo dục trẻ;*
3. *Có hệ thống đèn, hệ thống quạt (ở nơi có điện); có tủ đựng hồ sơ, thiết bị dạy học.*

Mức 2:

1. *Phòng sinh hoạt chung, phòng ngủ, phòng giáo dục thể chất, phòng giáo dục nghệ thuật hoặc phòng đa chức năng đảm bảo đạt chuẩn theo quy định;*
2. *Hệ thống tủ, kệ, giá đựng đồ chơi, đồ dùng, tài liệu, đảm bảo đủ theo quy định, được xắp xếp hợp lý, an toàn, thuận tiện khi sử dụng.*

Mức 3:

*Có phòng riêng để tổ chức cho trẻ làm quen với ngoại ngữ, tin học và âm nhạc.*

**1. Mô tả hiện trạng**

Mức 1:

a) Trường có số phòng học là 17 phòng, năm học 2020 - 2021 căn cứ cơ cấu nhân sự, nhà trường tuyển sinh và tổ chức hoạt động 17 nhóm, lớp tương ứng với số lớp theo độ tuổi: 19-24 tháng 01 lớp; 25-36 tháng 02 lớp; 3-4 tuổi 04 lớp; 4-5 tuổi 05 lớp; 5-6 tuổi 05 lớp; đảm bảo đủ tổ chức hoạt động 17/17 nhóm, lớp theo từng độ tuổi đúng theo quy định, quy mô phòng học [H3-3.2-01].

b) Có phòng sinh hoạt chung làm nơi sinh hoạt học tập, vui chơi, ăn, ngủ cho trẻ. Có phòng đọc sách cho trẻ đọc sách, vẽ tranh theo nội dung sách. Có phòng phát triển thể chất, phòng nghệ thuật, phòng lego đảm bảo đáp ứng được nhu cầu tối thiểu hoạt động nuôi dưỡng chăm sóc và giáo dục trẻ [H3-3.2-02].

c) Có hệ thống đèn, hệ thống quạt, có máy lạnh (02 phòng học), có tủ đựng hồ sơ, thiết bị dạy học đầy đủ đáp ứng tốt cho các hoạt động của trẻ [H3-3.2-02].

Mức 2:

a) Phòng sinh hoạt chung, phòng chức năng đảm bảo đạt chuẩn theo quy định. Mỗi phòng sinh hoạt chung có diện tích trung bình 80m2: nhà trẻ trung bình 2,28m2/trẻ; mẫu giáo trung bình 2,1m2/trẻ. Góc đọc sách diện tích 24m2, phòng phát triển thể chất diện tích 61,5m2, phòng giáo dục nghệ thuật diện tích 80m2; phòng đa năng được sử dụng chung với phòng hội trường diện tích 200m2, được thiết kế đảm bảo đạt chuẩn theo quy định [H3-3.2-01]; [H3-3.2-02].

b) Phòng sinh hoạt có không gian thoáng mát yên tĩnh, có đầy đủ các đồ dùng phục vụ cho trẻ như nệm, gối, đảm bảo được vệ sinh an toàn cho trẻ và giúp trẻ ngủ đủ giấc. Góc đọc sách có kệ, tủ sách, có các loại sách tranh truyện phù hợp lứa tuổi mầm non, có bàn, ghế nệm cho trẻ ngồi đọc sách. Phòng giáo dục thể chất được lót sàn gỗ có đầy đủ dụng cụ vận động: bóng, túi cát, thang leo, vòng, đích ném... đáp ứng được nhu cầu vận động của trẻ. Phòng giáo dục nghệ thuật có lắp gương, có nhạc cụ, trang phục đa dạng cho trẻ múa, hát, biểu diễn. Đồ dùng được sắp xếp thuận tiện cho trẻ dễ lấy, dễ cất, thuận tiện khi sử dụng [H3-3.2-02].

Mức 3:

Nhà trường có phòng nghệ thuật có diện tích 80m2 phục vụ cho hoạt động giáo dục âm nhạc của trẻ [H3-3.2-01]; [H3-3.2-02]. Chưa có phòng riêng cho trẻ làm quen ngoại ngữ, tin học. Tuy nhiên, tại mỗi nhóm, lớp đều có 01 bộ máy vi tính phục vụ cho hoạt động vui chơi, học tập của trẻ [H3-3.2-02].

**2. Điểm mạnh**

Nhà trường có các phòng sinh hoạt chung và các phòng phục vụ học tập của trẻ, bảo đảm các yêu cầu theo quy định tại Điều lệ trường mầm non, có đủ đồ dùng, đồ chơi, học liệu cho trẻ hoạt động, có tranh ảnh, hoa, cây cảnh trang trí đẹp, phù hợp đáp ứng nhu cầu hoạt động trong ngày của trẻ.

**3. Điểm yếu**

Chưa có phòng riêng cho trẻ làm quen ngoại ngữ, tin học. Phòng đa năng còn sử dụng chung với phòng hội trường.

**4. Kế hoạch cải tiến chất lượng**

Tháng 3 năm 2022, Hiệu trưởng cải tạo một phòng để làm phòng cho trẻ làm quen ngoại ngữ, tin học. Tháng 6 năm 2023, Hiệu trưởng sẽ tham mưu với Ủy ban nhân dân quận phân bổ kinh phí trang bị 20 máy vi tính cho phòng làm quen tin học, cải tạo phòng đa năng nhằm phục vụ cho nhu cầu vui chơi, học tập của trẻ.

**5. Tự đánh giá:** đạt Mức 2.

***Tiêu chí 3.3: Khối phòng hành chính- quản trị***

Mức 1:

1. *Có các loại phòng theo quy định;*
2. *Có trang thiết bị tối thiểu tại các phòng;*
3. *Khu để xe cho cán bộ, giáo viên, nhân viên được bố trí hợp lý, đảm bảo an toàn, trật tự.*

Mức 2:

1. *Đảm bảo diện tích theo quy định;*
2. *Khu để xe cho cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên có mái che đảm bảo an toàn, tiện lợi.*

Mức 3:

*Có đủ các phòng, đảm bảo theo Tiêu chuẩn quốc gia về yêu cầu thiết kế trường mầm non.*

**1. Mô tả hiện trạng**

Mức 1:

a) Có các loại phòng theo quy định: phòng bảo vệ, văn phòng, phòng y tế, phòng cách ly, phòng hội trường, phòng Hiệu trưởng, phòng Phó hiệu trưởng, phòng nghỉ cho nhân viên [H3-3.2-01]; [H3-3.3-01].

b) Phòng bảo vệ có bàn ghế, có sổ ghi nhận ca trực, có ghế đa năng nằm nghỉ. Phòng hành chính có tủ hồ sơ, bàn ghế làm việc, có máy vi tính, máy in, máy photocopy, điện thoại bàn, máy scan, máy nước nóng, lạnh, có nhà vệ sinh riêng. Phòng y tế được trang bị đầy đủ các dụng cụ thiết bị sơ cấp cứu ban đầu, có tủ hồ sơ, bàn ghế làm việc, quạt trần, máy vi tính, máy in, có giường, gối cho trẻ nghỉ mệt, có cân, thước đo, tủ lạnh trữ thuốc hạ sốt, các bảng biểu để tuyên truyền các biện pháp phòng bệnh. Phòng cách ly có giường, tủ thuốc, quạt treo tường. Phòng hội trường có máy lạnh, bàn ghế họp đủ cho 100 người, bục phát biểu, bục Bác Hồ, cờ Đảng, cờ nước, phông màn sân khấu, bảng hiệu Đảng Cộng sản Việt Nam. Phòng Phó hiệu trưởng có bàn ghế tiếp khách, tủ hồ sơ, bàn ghế làm việc, máy vi tính, máy in, máy nước nóng, lạnh, có nhà vệ sinh riêng. Phòng Hiệu trưởng có bàn ghế tiếp khách, có tủ hồ sơ, bàn ghế làm việc, máy vi tính, máy in, máy nước nóng, lạnh, có nhà vệ sinh riêng. Phòng nghỉ cho nhân viên có tủ đựng đồ dùng cá nhân nhiều ngăn cho nhân viên, bàn ghế làm việc, máy vi tính, máy in, có nhà vệ sinh riêng [H3-3.3-01].

c) Có 01 khu vực để xe cho cán bộ, giáo viên, nhân viên được bố trí hợp lý, an toàn, trật tự [H3-3.3-01].

Mức 2:

a) Phòng bảo vệ có diện tích diện tích 12m² được đặt ngay sát cổng chính của trường, thuận lợi cho việc quan sát, theo dõi mọi hoạt động ra vào của cán bộ, giáo viên, nhân viên, cha mẹ học sinh, trẻ và khách vãng lai. Phòng Hội trường rộng, thoáng sạch có diện tích 200m². Văn phòng có diện tích 80m2. Phòng y tế diện tích 60m². Phòng Hiệu trưởng có diện tích 80m². Phòng Phó Hiệu trưởng có diện tích 80m². Có phòng nghỉ cho nhân viên cấp dưỡng gần bếp diện tích 50m² [H3-3.2-01]; [H3-3.3-01].

b) Khu vực nhà để xe cho cán bộ, giáo viên, nhân viên có diện tích 150 m² và có mái che, có cổng rào thuận tiện cho bảo vệ quản lý theo dõi [H3-3.3-01].

Mức 3:

Trường có đủ các phòng đảm bảo theo Tiêu chuẩn quốc gia về yêu cầu thiết kế trường mầm non. Tuy nhiên cách sắp xếp, bố trí phòng hành chính, y tế chưa khoa học: bảng biểu, tủ đựng hồ sơ… [H3-3.3-01].

**2. Điểm mạnh**

Nhà trường có đầy đủ các phòng làm việc cho cán bộ quản lý, nhân viên đảm bảo theo yêu cầu chung, được xây dựng kiên cố. Các phòng có đủ diện tích cho cán bộ quản lý, nhân viên sinh hoạt, đảm bảo đầy đủ thiết bị và phương tiện làm việc.

**3. Điểm yếu**

Cách sắp xếp, bố trí phòng hành chính, y tế chưa khoa học: bảng biểu, tủ đựng hồ sơ…

**4. Kế hoạch cải tiến chất lượng**

Tháng 11 năm 2021, Hiệu trưởng có kế hoạch tiếp tục chỉ đạo các bộ phận có kế hoạch tiếp tục bảo quản, sử dụng và phát huy cơ sở vật chất sẵn có; có kế hoạch bổ sung trang thiết bị, tu sửa trường; phân công cụ thể từng bộ phận, thành viên bảo quản, sắp xếp, bố trí các phòng khoa học và sử dụng tài sản, trang thiết bị hiệu quả nâng cao chất lượng phục vụ các hoạt động trong nhà trường.

**5. Tự đánh giá:** đạt Mức 3.

***Tiêu chí 3.4: Khối phòng tổ chức ăn***

Mức 1:

1. *Bếp ăn được xây dựng kiên cố hoặc bán kiên cố;*
2. *Kho thực phẩm được phân chia thành khu vực để các loại thực phẩm riêng biệt, đảm bảo các quy đinh về vệ sinh an toàn thực phẩm;*
3. *Có tủ lạnh lưu mẫu thức ăn.*

Mức 2:

*Bếp ăn đảm bảo theo quy định tại Điều lệ trường mầm non.*

Mức 3:

*Bếp ăn đảm bảo theo Tiêu chuẩn quốc gia về yêu cầu thiết kế trường mầm non.*

**1. Mô tả hiện trạng**

Mức 1:

a) Bếp ăn được xây dựng ở tầng 02, có diện tích 300m² [H3-3.1-03]. Đồ dùng nhà bếp đầy đủ, đảm bảo vệ sinh an toàn, được sắp xếp thuận tiện vận hành theo quy trình bếp một chiều [H3-3.4-01].

b) Kho thực phẩm có diện tích 24m², được phân chia thành khu vực để các loại thực phẩm riêng biệt bảo đảm vệ sinh an toàn thực phẩm [H3-3.1-03]. Thực phẩm được sắp xếp gọn gàng trong tủ theo từng loại, có bảng tên; thực phẩm bên ngoài tủ được để trong thùng có nắp đậy, không tiếp đất [H3-3.4-01].

c) Có tủ lạnh đặt trong bếp để lưu mẫu thức ăn hằng ngày của trẻ, đảm bảo đúng quy trình lưu mẫu theo Quyết định số 1246/QĐ-BYT ngày 31/3/2017 của Bộ Y tế [H3-3.4-01].

Mức 2:

Bếp ăn đảm bảo theo quy định tại Điều lệ trường mầm non, gồm có khu sơ chế, khu chế biến, khu nấu ăn, khu chia thức ăn; được thiết kế và tổ chức theo dây chuyền hoạt động một chiều [H3-3.1-03]; [H3-3.4-01]. Thiết bị đồ dùng đầy đủ theo quy định, thuận tiện cho nhân viên thao tác.

Mức 3:

Bếp ăn đảm bảo theo Tiêu chuẩn quốc gia về yêu cầu thiết kế trường mầm non; thông thoáng, đủ ánh sáng, có đèn đuổi côn trùng; được trang bị đầy đủ dụng cụ, phương tiện, trang thiết bị các đồ dùng được I-nox hóa 100% thuận tiện cho việc vệ sinh và khử trùng; có phương tiện bảo quản thực phẩm, hệ thống cung cấp nước sạch và có chỗ rửa tay với dung dịch sát khuẩn, thực hiện tốt việc xử lý và phân loại rác, các thùng rác đều có nắp đậy đảm bảo hợp vệ sinh [H3-3.4-01]. Tuy nhiên, tủ mát để thực phẩm chờ nấu nhỏ nên không đủ sức chứa, một số thực phẩm còn để bên ngoài tủ [H3-3.4-01].

**2. Điểm mạnh**

Nhà bếp được xây dựng kiên cố, rộng, thoáng, trang bị đầy đủ các đồ dùng phục vụ cho trẻ ăn bán trú tại trường; có dụng cụ chế biến thực phẩm đảm bảo vệ sinh an toàn thực phẩm; các dụng cụ, phương tiện ở nhà bếp được I-nox hóa 100% rất thuận tiện cho việc vệ sinh và khử trùng.

**3. Điểm yếu**

Tủ mát để thực phẩm chờ nấu nhỏ nên không đủ sức chứa, một số thực phẩm còn để bên ngoài tủ.

**4. Kế hoạch cải tiến chất lượng**

Từ tháng 11 năm 2021, Hiệu trưởng có kế hoạch tiếp tục bảo quản, sử dụng và phát huy cơ sở vật chất sẵn có đảm bảo phục vụ tốt hoạt động nuôi dưỡng cho trẻ trong nhà trường, tiếp tục duy trì thực hiện bếp ăn một chiều. Đến tháng 9 năm 2023 có kế hoạch phối hợp công tác xã hội hóa giáo dục trang bị, bổ sung tủ mát và đồ dùng hiện đại cho nhà bếp đảm bảo việc giảm tải sức lao động và nâng cao chất lượng an toàn vệ sinh thực phẩm.

**5. Tự đánh giá:** đạt Mức 3.

***Tiêu chí 3.5: Thiết bị, đồ dùng, đồ chơi***

Mức 1:

1. *Có các thiết bị, đồ dùng, đồ chơi đáp ứng yêu cầu tối thiểu phục vụ nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ;*
2. *Các thiết bị, đồ dùng, đồ chơi tự làm hoặc ngoài danh mục quy định phải đảm bảo tính giáo dục, an toàn, phù hợp với trẻ;*
3. *Hằng năm, các thiết bị được kiểm kê, sửa chữa*.

Mức 2:

1. *Hệ thống máy tính được kết nối Internet phục vụ công tác quản lý, hoạt động dạy học;*
2. *Có đủ thiết bị dạy học theo quy định;*
3. *Hằng năm, được bổ sung các thiết bị dạy học, thiết bị dạy học tự làm.*

Mức 3:

*Các thiết bị đồ dùng, đồ chơi tự làm hoặc ngoài danh mục quy định được khai thác và sử dụng hiệu quả, đáp ứng yêu cầu đổi mới nội dung, phương pháp giáo dục, nâng cao chất lượng nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ.*

**1. Mô tả hiện trạng**

Mức 1:

a) Nhà trường trang bị cho 17 nhóm, lớp đầy đủ các thiết bị, đồ dùng, đồ chơi theo danh mục đồ chơi 3141 và Thông tư số 02/2010/TT-BGDĐT qui định [H1-1.6-02]; [H3-3.1-03]; có 17/17 nhóm, lớp được trang bị màn hình LCD, 17 máy vi tính nối mạng Internet, có mạng nội bộ để theo dõi kế hoạch, thông tin hai chiều chia sẻ kinh nghiệm giáo án, thiết kế giáo án điện tử [H3-3.1-03]; [H3-3.2-02]; [H3-3.5-01].

b) Ngoài các đồ dùng, đồ chơi được trang bị, cô và trẻ cùng tạo ra các đồ dùng, đồ chơi phong phú, đa dạng bằng các nguyên vật liệu mở để phục vụ cho quá trình tổ chức hoạt động học, rèn kỹ năng trong giờ học và vui chơi. Các đồ dùng tự tạo luôn đảm bảo tính giáo dục, an toàn, phù hợp với trẻ [H3-3.5-02].

c) Nhà trường có kế hoạch bảo quản, sửa chữa, thay thế, bổ sung nâng cấp các thiết bị đồ dùng đồ chơi hằng năm vào tháng 8 chuẩn bị cho năm học mới và sau các đợt kiểm tra đồ dùng đồ chơi [H3-3.5-03].

Mức 2:

a) Có 17/17 nhóm, lớp được trang bị máy tính kết nối Internet, mạng nội bộ phục vụ cho công tác hoạt động dạy học; 03 máy tính kết nối Internet, mạng nội bộ phục vụ công tác quản lý [H3-3.1-03]; [H3-3.2-02]; [H3-3.5-01].

b) Thiết bị dạy học đầy đủ theo quy định. Các trang thiết bị được giáo viên sử dụng hiệu quả như soạn giảng bằng phần mềm Mindjet Mindmanager để theo dõi kế hoạch, học hỏi kinh nghiệm giáo án, điều chỉnh kế hoạch sau góp ý của cán bộ quản lý [H1-1.8-01]; [H3-3.1-03].

c) Hằng năm, cán bộ quản lý bổ sung thiết bị dạy học và đồ chơi ngoài danh mục [H3-3.5-03]. Ngoài ra, giáo viên còn bổ sung đồ dùng dạy học tự làm theo đề tài, theo kế hoạch của lớp [H3-3.5-04].

 Mức 3:

 Các thiết bị, đồ dùng, đồ chơi tự làm và đồ chơi ngoài danh mục quy định đa dạng, được giáo viên khai thác, sử dụng hiệu quả trong hoạt động dạy học, đáp ứng nội dung, phương pháp giáo dục, nâng cao chất lượng nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ. Tuy nhiên một số đồ chơi tự làm sử dụng chất liệu kém bền nên việc lưu trữ đồ chơi chưa tốt [H3-3.5-04].

**2. Điểm mạnh**

Nhà trường trang bị các phương tiện hiện đại, thuận lợi cho giáo viên ứng dụng công nghệ thông tin trong giảng dạy. Giáo viên và trẻ cùng tích cực tạo ra các đồ dùng đồ chơi từ nguyên vật liệu để phục vụ cho các hoạt động học và chơi của trẻ.

1. **Điểm yếu**

Đồ chơi tự làm sử dụng chất liệu kém bền nên việc lưu trữ đồ chơi chưa tốt.

**4. Kế hoạch cải tiến chất lượng:**

Từ tháng 01 năm 2022, Hiệu trưởng chỉ đạo giáo viên phát huy hiệu quả sử dụng các trang thiết bị, đồ dùng. Đồng thời, phân công Phó hiệu trưởng chuyên môn chỉ đạo, hướng dẫn giáo viên sử dụng chất liệu bền để làm đồ chơi, đồ dùng dạy học.

**5. Tự đánh giá:** đạt Mức 3.

***Tiêu chí 3.6: Khu vệ sinh, hệ thống cấp thoát nước***

Mức 1:

1. *Phòng vệ sinh cho trẻ, khu vệ sinh cho cán bộ, giáo viên, nhân viên đảm bảo không ô nhiễm môi trường; phòng vệ sinh đảm bảo sử dụng thuận lợi cho trẻ khuyết tật**;*
2. *Có hệ thống thoát nước đảm bảo vệ sinh môi trường; hệ thống nước sạch đảm bảo nước uống và nước sinh hoạt cho giáo viên, nhân viên và trẻ;*
3. *Thu gom rác và xử lý chất thải đảm bảo vệ sinh môi trường*.

Mức 2:

1. *Phòng vệ sinh cho trẻ, khu vệ sinh cho cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên thuận tiện, được xây dựng phù hợp với cảnh quan và theo quy định;*
2. *Hệ thống cung cấp nước sạch, hệ thống thoát nước, thu gom và xử lý chất thải đáp ứng quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo và Bộ Y tế.*

**1. Mô tả hiện trạng**

Mức 1:

a) Phòng vệ sinh cho trẻ, khu vệ sinh cho cán bộ, giáo viên, nhân viên luôn sạch sẽ, thông thoáng, không ô nhiễm môi trường, đảm bảo cho việc sử dụng. Tất cả phòng vệ sinh giáo viên, nhân viên thường xuyên được vệ sinh sạch sẽ, đảm bảo không ô nhiễm môi trường và thuận tiện cho việc sử dụng. Phòng vệ sinh đảm bảo sử dụng thuận lợi cho trẻ khuyết tật; trong 05 năm nhà trường không có trẻ khuyết tật học hòa nhập [H3-3.6-01]; [H3-3.6-02].

b) Hệ thống thoát nước tốt, đảm bảo vệ sinh môi trường [H3-3.1-02]. Nhà trường có 02 nguồn nước sạch đảm bảo cho việc nấu ăn và sinh hoạt hằng ngày của trẻ: nguồn nước máy của công ty cấp nước Trung An [H3-3.6-04], được xét nghiệm vi sinh và nguồn nước từ giếng khoan được nhà trường xét nghiệm lý - hóa [H1-1.10-02]. Hợp đồng với công ty TNHH nước uống Sài Gòn (Sapuwa) đảm bảo nguồn nước sạch cho trẻ uống, có chứng từ kiểm tra an toàn 06 tháng/lần [H1-1.10-02].

c) Nhà trường hợp đồng với Công ty dịch vụ công ích thu gom rác mỗi ngày, đảm bảo vệ sinh môi trường [H3-3.6-05]. Có khu vực để rác xa nơi sinh hoạt, vui chơi của trẻ [H3-3.6-03].

Mức 2:

a) Phòng vệ sinh cho trẻ và giáo viên được thiết kế xây dựng liền kề với phòng sinh hoạt chung, phù hợp, thuận tiện trong sinh hoạt tại lớp và dễ quan sát. Diện tích nhà vệ sinh trẻ 24m², có vách ngăn riêng cho bé nam và nữ, có chậu rửa tay (nhà trẻ 03, mẫu giáo 06); chỗ đi vệ sinh, bệ có nắp đậy (nhà trẻ 02 bồn tiểu, 05 chậu xí; mẫu giáo 04 bồn tiểu, 08 chậu xí), các thiết bị và diện tích đảm bảo đúng theo quy định của Điều lệ trường mầm non. Có khu nhà vệ sinh dành cho cán bộ, giáo viên, nhân viên được vệ sinh sạch sẽ. Tuy nhiên, hằng tháng có 1-2 chậu rửa tay trẻ bị rỉ nước xuống nền gạch [H3-3.6-01]; [H3-3.6-06].

b) Hệ thống thoát nước, hệ thống cung cấp nước sạch, việc thu gom và xử lý chất thải đáp ứng quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo và Bộ Y tế [H1-1.10-02]; [H3-3.1-02]; [H3-3.6-03]; [H3-3.6-04]; [H3-3.6-05].

1. **Điểm mạnh**

Có hệ thống cung cấp nước sạch đầy đủ và hợp vệ sinh theo quy định của ngành y tế. Hệ thống cấp thoát nước tốt. Đảm bảo thu gom và xử lý chất thải tốt góp phần thực hiện tốt công tác bảo vệ môi trường.

1. **Điểm yếu**

Có 1-2 chậu rửa tay trẻ bị rỉ nước xuống nền gạch.

**4. Kế hoạch cải tiến chất lượng**

Từ tháng 11 năm 2021, Hiệu trưởng tiếp tục thực hiện quy định của y tế về việc đảm bảo vệ sinh hệ thống thoát nước, xét nghiệm mẫu nước định kỳ. Định kỳ hằng tháng chỉ đạo bảo vệ kiểm tra và sửa chữa ngay các chậu rửa tay trẻ bị thấm nước để đảm bảo an toàn cho trẻ.

**5. Tự đánh giá:** đạt Mức 2.

**Kết luận về Tiêu chuẩn 3:**

**Điểm mạnh nổi bật:**

Trường Mầm non Hạnh Thông Tây có đầy đủ các phòng chức năng, phòng sinh hoạt cho trẻ. Nhà trường thường xuyên kiểm tra, nâng cấp, sửa chữa, mua sắm mới các trang thiết bị. Các nguồn kinh phí được sử dụng đúng trong việc mua sắm, nhằm tăng cường các trang thiết bị theo quy định cho từng lứa tuổi và xây dựng kế hoạch cải tạo, tu bổ cơ sở vật chất nhà trường cụ thể hằng năm. Nhà trường quản lý hiệu quả cơ sở vật chất và thiết bị giáo dục, bố trí đồ dùng, đồ chơi, cây xanh được trồng và quy hoạch hài hòa thẩm mỹ.

**Điểm yếu cơ bản:**

Đồ chơi tự làm cho trẻ chơi trò chơi dân gian chưa được bền.

Chưa có phòng riêng cho trẻ làm quen ngoại ngữ, tin học. Phòng đa năng còn sử dụng chung với phòng hội trường.

Cách sắp xếp, bố trí phòng hành chính, y tế chưa khoa học: bảng biểu, tủ đựng hồ sơ…

Đồ chơi tự làm sử dụng chất liệu kém bền nên việc lưu trữ đồ chơi chưa tốt.

Có 1 - 2 chậu rửa tay trẻ bị rỉ nước xuống nền gạch.

**Số lượng tiêu chí đạt yêu cầu:** 06/06.

**Số lượng tiêu chí không đạt yêu cầu:** 00/06.

**Tiêu chuẩn 4: Quan hệ giữa nhà trường, gia đình và xã hội**

**Mở đầu:**

Để hoạt động giáo dục của nhà trường đạt hiệu quả cao, ngoài sự phấn đấu nỗ lực của tập thể cán bộ, giáo viên, nhân viên trường còn có sự đóng góp về vật chất, tinh thần của cha mẹ học sinh và các ban ngành đoàn thể, các lực lượng xã hội. Thông qua Ban đại diện cha mẹ học sinh các nhóm lớp, nhà trường tiến hành tổ chức Đại hội đại biểu cha mẹ học sinh toàn trường và được thành lập vào mỗi đầu năm học. Ban đại diện cha mẹ học sinh hoạt động theo Điều lệ ban hành của Bộ Giáo dục và Đào tạo nhằm thống nhất kế hoạch hoạt động hằng năm, hỗ trợ thực hiện công trình của cha mẹ học sinh, nhằm góp sức cùng nhà trường hoàn thành kế hoạch nhiệm vụ trong từng năm học.

***Tiêu chí 4.1: Ban đại diện cha mẹ trẻ***

Mức 1:

*a) Được thành lập và hoạt động theo quy định tại Điều lệ Ban đại diện cha mẹ học sinh**;*

*b) Có kế hoạch hoạt động theo năm học;*

*c) Tổ chức thực hiện kế hoạch hoạt động đúng tiến độ.*

Mức 2:

*Phối hợp có hiệu quả với nhà trường trong việc tổ chức thực hiện nhiệm vụ năm học và các hoạt động giáo dục; hướng dẫn, tuyên truyền, phổ biến pháp luật, chủ trương chính sách về giáo dục đối với cha mẹ trẻ*.

Mức 3:

*Phối hợp có hiệu quả với nhà trường, xã hội trong việc thực hiện các nhiệm vụ theo quy định của Điều lệ Ban đại diện cha mẹ học sinh.*

**1. Mô tả hiện trạng**

 Mức 1:

a) Nhà trường tổ chức họp cha mẹ học sinh đầu năm và bầu ra Ban đại diện cha mẹ học sinh của 17 lớp. Sau Đại hội cha mẹ học sinh đã bầu ra Ban đại diện cha mẹ học sinh toàn trường gồm 01 trưởng ban và 01 phó trưởng ban, 01 thư ký, 02 ủy viên, tổ chức hoạt động theo Điều lệ của Ban đại diện cha mẹ học sinh do Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành [H4-4.1-01].

b) Sau một năm hoạt động, Ban đại diện cha mẹ học sinh có tổng kết một năm hoạt động và báo cáo tình hình hoạt động, phương hướng hoạt động theo năm học mới phù hợp với thời điểm hiện tại; phối hợp với nhà trường trong việc quản lý, chăm sóc, giáo dục trẻ em và thực hiện những nhiệm vụ do Ban đại diện cha mẹ học sinh đề ra; kiến nghị với nhà trường tạo điều kiện cho con em mình được chăm sóc và giáo dục trong điều kiện tốt nhất [H4-4.1-01]; [H4-4.1-02].

c) Ban đại diện cha mẹ học sinh tổ chức thực hiện kế hoạch hoạt động đúng tiến độ đề ra: kế hoạch ủng hộ hoạt động trường lớp, kế hoạch phối hợp với nhà trường trong việc chăm sóc, giáo dục trẻ [H4-4.1-01].

Mức 2:

Những năm qua, Ban đại diện cha mẹ học sinh phối hợp tốt với nhà trường trong việc tổ chức thực hiện nhiệm vụ năm học và các hoạt động giáo dục; hướng dẫn, tuyên truyền, phổ biến pháp luật, chủ trương chính sách về giáo dục đối với cha mẹ trẻ, trong công tác xã hội hoá giáo dục đạt hiệu quả cao, thực hiện công khai rõ ràng minh bạch [H4-4.1-01]; [H4-4.1-02].

Mức 3:

Ban đại diện cha mẹ học sinh phối hợp khá tốt với nhà trường, xã hội trong việc thực hiện các nhiệm vụ theo quy định của Điều lệ Ban đại diện cha mẹ học sinh. Tuy nhiên, đôi khi cha mẹ học sinh không có nhiều thời gian nên việc phối hợp với nhà trường, xã hội trong việc thực hiện các nhiệm vụ theo quy định của Điều lệ Ban đại diện cha mẹ học sinh có phần chưa kịp thời [H4-4.1-01]; [H4-4.1-02].

**2. Điểm mạnh**

Trường có Ban đại diện cha mẹ học sinh hoạt động theo đúng quy định; Ban đại diện cha mẹ học sinh phối hợp tốt trong công tác chăm sóc, giáo dục trẻ của nhà trường.

**3. Điểm yếu**

Đôi khi cha mẹ học sinh không có nhiều thời gian nên việc phối hợp với nhà trường, xã hội trong thực hiện các nhiệm vụ theo quy định của Điều lệ Ban đại diện cha mẹ học sinh có phần chưa kịp thời.

**4. Kế hoạch cải tiến chất lượng**

Từ tháng 11 năm 2021, Hiệu trưởng tiếp tục duy trì hoạt động của Ban đại diện cha mẹ học sinh trong công tác phối hợp chăm sóc giáo dục trẻ. Lưu ý hơn trong việc đề cử đại biểu để bầu vào Ban đại diện cha mẹ học sinh đảm bảo các thành viên có năng lực, thời gian tham gia các hoạt động của Ban đại diện. Đẩy mạnh công tác tuyên truyền Điều lệ Ban đại diện cha mẹ học sinh cho cha mẹ học sinh tham khảo để cùng phối hợp tốt với nhà trường nâng cao chất lượng chăm sóc, giáo dục trẻ.

**5. Tự đánh giá:** đạt Mức 2.

***Tiêu chí 4.2: Công tác tham mưu cấp ủy đảng, chính quyền và phối hợp với các tổ chức, cá nhân của nhà trường***

Mức 1:

*a) Tham mưu cấp ủy Đảng, chính quyền địa phương để thực hiện kế hoạch giáo dục của nhà trường;*

*b) Tuyên truyền nâng cao nhận thức và trách nhiệm của cộng đồng về chủ trương, chính sách của Đảng, Nhà nước, ngành Giáo dục; về mục tiêu, nội dung và kế hoạch giáo dục của nhà trường;*

*c) Huy động và sử dụng các nguồn lực hợp pháp của các tổ chức, cá nhân đúng quy định.*

Mức 2:

*a) Tham mưu cấp ủy Đảng, chính quyền để tạo điều kiện cho nhà trường thực hiện phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển;*

*b) Phối hợp với các tổ chức, đoàn thể, cá nhân để tổ chức các hoạt động lễ hội, sự kiện theo kế hoạch, phù hợp với truyền thống của địa phương*.

Mức 3:

*Tham mưu cấp ủy Đảng, chính quyền và phối hợp có hiệu quả với các tổ chức, cá nhân xây dựng nhà trường trở thành trung tâm văn hóa, giáo dục của địa phương.*

**1. Mô tả hiện trạng:**

Mức 1:

a) Thông qua các buổi sinh hoạt thường kỳ với Đảng ủy phường, Bí thư Chi bộ - Hiệu trưởng chủ động tham mưu trong việc huy động trẻ 5 tuổi ra lớp đạt tỷ lệ 100% theo Đề án phổ cập Giáo dục mầm non cho trẻ 5 tuổi; đề xuất các biện pháp giữ gìn an ninh trật tự xung quanh trường; ký kết quy chế phối hợp với công an xã về đảm bảo an ninh trường học [H4-2.2-01]; [H4-2.2-02].

b) Nhà trường phối hợp tuyên truyền nâng cao nhận thức và trách nhiệm của cộng đồng về chủ trương, chính sách của Đảng, Nhà nước, ngành Giáo dục về mục tiêu, nội dung và kế hoạch giáo dục của nhà trường với Ban đại diện cha mẹ học sinh, cha mẹ học sinh toàn trường với các tổ chức, đoàn thể, cá nhân ở địa phương [H4-4.1-02]; [H4-4.2-03].

c) Nhà trường huy động và sử dụng các nguồn lực hợp pháp của các tổ chức, cá nhân đúng quy định [H4-4.2-04]. Năm học 2020 - 2021 đã huy động mạnh thường quân hỗ trợ cho nhà trường cây xanh, hoa kiểng, ủng hộ phân bón hữu cơ, cải tạo vườn rau của trẻ phục vụ hoạt động trải nghiệm, chăm sóc vườn rau của trẻ. Tuy nhiên nguồn hỗ trợ từ xã hội hóa giáo dục chưa cao, chưa huy động được nhiều nguồn lực từ các doanh nghiệp trên địa bàn phường [H4-4.1-02].

Mức 2:

a) Nhà trường chủ động tham mưu với cấp ủy Đảng, chính quyền địa phương về đầu tư cơ sở vật chất tạo điều kiện cho nhà trường thực hiện chiến lược xây dựng và phát triển [H1-1.1-01].

b) Hằng năm, trường phối hợp với các tổ chức, đoàn thể, cá nhân xây dựng môi trường xanh - sạch - đẹp, an toàn cho trẻ, tổ chức các hoạt động lễ hội, sự kiện theo kế hoạch, phù hợp với truyền thống của địa phương như mừng Đảng mừng Xuân hằng năm, Đại hội Đảng bộ phường, mừng chiến thắng 30/4, kỷ niệm thực hiện Di chúc Bác Hồ, quốc tế thiếu nhi 1/6 và vui hội trăng rằm cho trẻ em nghèo thuộc địa phương [H4-4.2-05]; [H4-4.2-06].

Mức 3:

Tham mưu cấp ủy Đảng, chính quyền và phối hợp có hiệu quả với các tổ chức xã hội, ban ngành, đoàn thể, cá nhân xây dựng nhà trường trở thành trung tâm văn hóa, giáo dục của địa phương. Tuy nhiên, nhà trường chưa trở thành trung tâm văn hóa, giáo dục của địa phương [H1-1.1-01].

**2. Điểm mạnh**

Nhà trường thực hiện tốt công tác tham mưu với cấp ủy Đảng, chính quyền địa phương, phối hợp chặt chẽ với các tổ chức, đoàn thể để nâng cao chất lượng chăm sóc, giáo dục trẻ và xây dựng môi trường giáo dục lành mạnh, an toàn cho trẻ. Tổ chức các hoạt động lễ hội, sự kiện theo kế hoạch, phù hợp với truyền thống của địa phương.

**3. Điểm yếu**

Chưa huy động được nhiều nguồn lực từ các doanh nghiệp trên địa bàn, chưa trở thành trung tâm văn hóa, giáo dục của địa phương.

**4. Kế hoạch cải tiến chất lượng**

Từ tháng 11 năm 2021, Bí thư chi bộ - Hiệu trưởng tham mưu với cấp chính quyền để phối hợp công tác tuyên truyền đến các doanh nghiệp trên địa bàn nhằm tăng cường công tác xã hội hóa giáo dục, huy động thêm nguồn lực xây dựng cơ sở vật chất, xây dựng môi trường giáo dục chất lượng cao; chỉ đạo bộ phận chuyên môn phối hợp tốt với các bộ phận, đoàn thể trong nhà trường xây dựng kế hoạch tổ chức nhiều lễ hội phù hợp truyền thống địa phương cho trẻ tham gia. Đồng thời, Hiệu trưởng nâng cao hiệu quả chất lượng chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục trẻ để nhà trường trở thành trung tâm văn hóa, giáo dục của địa phương.

**5. Tự đánh giá:** đạt Mức 2.

**Kết luận về tiêu chuẩn 4:**

**Điểm mạnh nổi bật:**

Công tác phối hợp giữa nhà trường và cha mẹ học sinh thuận lợi và đạt hiệu quả. Ban đại diện cha mẹ học sinh hoạt động theo kế hoạch Ban đại diện đã đề ra. Ngoài ra, nhà trường chủ động tích cực phối hợp tốt với chính quyền địa phương trong việc thực hiện chiến lược xây dựng và phát triển nhà trường.

**Điểm yếu cơ bản:**

Đôi khi cha mẹ học sinh không có nhiều thời gian nên việc phối hợp với nhà trường, xã hội trong việc thực hiện các nhiệm vụ theo quy định của Điều lệ Ban đại diện cha mẹ học sinh có phần chưa kịp thời.

Chưa huy động được nhiều nguồn lực từ các doanh nghiệp trên địa bàn, chưa trở thành trung tâm văn hóa, giáo dục của địa phương.

**Số lượng tiêu chí đạt yêu cầu:** 02/02.

**Số lượng tiêu chí không đạt yêu cầu:** 00/02.

**Tiêu chuẩn 5: Hoạt động và kết quả nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ**

**Mở đầu:**

Chăm sóc, giáo dục trẻ tốt giúp trẻ phát triển toàn diện ở lứa tuổi mầm non là điều vô cùng quan trọng và là mục tiêu giáo dục mầm non. Thông qua việc thực hiện chương trình, tổ chức các hoạt động nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ đã phản ánh thực trạng hoạt động dạy và học của nhà trường như sau: trẻ lễ phép, chăm ngoan, chuyên cần, khỏe mạnh, hồn nhiên, biết nghe và thực hiện theo yêu cầu của người lớn, biết quan tâm và chia sẻ với bạn, có kỹ năng giao tiếp ứng xử tốt, theo dõi thể lực trẻ phát triển bình thường đạt 100% (643/643). Việc giáo dục thể chất và chăm sóc sức khỏe, chăm sóc bữa ăn, phòng chống dịch bệnh của học sinh luôn được quan tâm hằng đầu. Các hoạt động trong ngày được giáo viên chú trọng và thực hiện đúng quy định. Trẻ có ý thức giữ gìn vệ sinh môi trường, giữ gìn vệ sinh cá nhân, biết lao động tự phục vụ, biết chăm sóc, bảo vệ cây xanh, vườn trường, trẻ có hiểu biết về môi trường xung quanh và có kỹ năng sống phù hợp lứa tuổi. Có 207/207 trẻ 5 - 6 tuổi (đạt 100%) hoàn thành Chương trình Phổ cập giáo dục mầm non theo chỉ đạo.

***Tiêu chí 5.1: Thực hiện Chương trình giáo dục mầm non***

Mức 1:

*a) Tổ chức thực hiện Chương trình giáo dục mầm non theo kế hoạch;*

*b) Nhà trường phát triển Chương trình giáo dục mầm non do Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành phù hợp quy định về chuyên môn của cơ quan quản lý giáo dục, với điều kiện nhà trường;*

*c) Định kỳ rà soát, đánh giá việc thực hiện Chương trình giáo dục mầm non và có điều chỉnh kịp thời, phù hợp.*

Mức 2:

*a) Tổ chức thực hiện Chương trình giáo dục mầm non đảm bảo chất lượng;*

*b) Nhà trường phát triển Chương trình giáo dục mầm non do Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành, phù hợp với văn hóa địa phương, đáp ứng khả năng và nhu cầu của trẻ.*

Mức 3:

*a) Nhà trường phát triển Chương trình giáo dục mầm non do Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành dựa trên cơ sở tham khảo chương trình giáo dục của các nước trong khu vực và thế giới đúng quy định, hiệu quả, phù hợp với thực tiễn của nhà trường, địa phương;*

*b) Hằng năm, tổng kết, đánh giá việc thực hiện chương trình giáo dục của nhà trường, từ đó điều chỉnh, cải tiến nội dung, phương pháp giáo dục để nâng cao chất lượng nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ.*

* + - 1. **Mô tả hiện trạng**

Mức 1:

a) Nhà trường trang bị đầy đủ tài liệu (Thông tư 17/2009/TT-BGDĐT, Thông tư 28/2016/TT-BGDĐT và Bộ chuẩn phát triển trẻ 5 tuổi) cho đội ngũ giáo viên. Kịp thời bồi dưỡng và chỉ đạo giáo viên thực hiện Chương trình giáo dục mầm non theo Thông tư 17/2009/TT-BGDĐT của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành ngày 25 tháng 07 năm 2009 và Thông tư số 28/2016/TT-BGDĐT ngày 30 tháng 12 năm 2016. Giáo viên nắm được những nội dung bổ sung và điều chỉnh trong Thông tư 28/2016/TT-BGDĐT, đưa nội dung Thông tư 28 vào kế hoạch Mindjet Manager của các lớp và nghiêm túc thực hiện kế hoạch năm, tháng, tuần, ngày [H1-1.8-01]. Thực hiện bồi dưỡng cho đội ngũ giáo viên mới cách xây dựng kế hoạch [H1-1.7-01].

b) Nhà trường phát triển chương trình ở lĩnh vực phát triển thể chất, lĩnh vực tình cảm và kỹ năng xã hội ở lứa tuổi nhà trẻ 25-36 tháng và tất cả các lứa tuổi mẫu giáo. Thực hiện quy ước cách ghi nhận những nội dung phát triển giúp cho quản lý và giáo viên dễ dàng nắm các nội dung phát triển. 100% giáo viên nắm được tinh thần chỉ đạo, nguyên tắc của phát triển nội dung chương trình; có chọn lọc các nội dung để phát triển khá phù hợp [H1-1.8-01].

c) Cán bộ quản lý, khối trưởng thường xuyên giám sát kế hoạch của từng lớp và thực hiện báo cáo vào đầu tuần. Xây dựng kế hoạch kiểm tra việc thực hiện chương trình, có kế hoạch dự giờ và kiểm tra các hoạt động trong ngày [H1-1.8-02]; [H1-1.8-03]. Kiểm tra kế hoạch giáo dục lớp [H1-1.8-01], do vậy kế hoạch giáo dục của lớp được cập nhật thường xuyên, việc điều chỉnh chương trình kịp thời và hiệu quả hơn.

Mức 2:

a) Nhà trường tổ chức thực hiện Chương trình giáo dục mầm non đảm bảo chất lượng [H1-1.8-01]. Giáo viên nắm bắt được khả năng của trẻ để xây dựng kế hoạch giáo dục phù hợp. Tổ chức theo hướng tích hợp các phương pháp và tổ chức các hoạt động dưới nhiều hình thức đa dạng. Giáo viên thể hiện phong cách tự nhiên trong quá trình tổ chức hoạt động, chú trọng cho trẻ được khám phá, trải nghiệm, được thảo luận, trao đổi và chia sẻ những thắc mắc cùng cô và bạn, xử lý ‎được các tình huống trong quá trình tổ chức hoạt động. Nhà trường tổ chức thao giảng bồi dưỡng những chuyên đề trọng tâm và chuyên đề củng cố theo chỉ đạo của Phòng giáo dục và Đào tạo [H1-1.4-07]. Tuy nhiên, 02/36 giáo viên mới còn gặp khó khăn trong xây dựng kế hoạch giáo dục. Việc lựa chọn nội dung đưa vào từng giai đoạn, thời điểm còn lúng túng, còn vướng mắc khi đối chiếu các nội dung từ tuần qua tháng, tháng qua năm.Giáo viên còn nóng vội muốn có kết quả tức thì cho nên khi trẻ thực hiện sai cô chưa kiên nhẫn để sửa sai cho trẻ mà làm thay cho trẻ.Phương pháp tổ chức hoạt động của 02/36 giáo viên mới còn chưa linh hoạt.

b) Nhà trường phát triển Chương trình giáo dục mầm non do Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành [H5-5.1-01]. Nhà trường khuyến khích giáo viên đăng ký thao giảng nội dung phát triển chương trình phù hợp với văn hóa địa phương, đáp ứng khả năng và nhu cầu của trẻ để cùng học tập rút kinh nghiệm [H1-1.4-07].

 Mức 3:

a) Nhà trường chưa đủ điều kiện phát triển Chương trình giáo dục mầm non do Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành trên cơ sở tham khảo Chương trình giáo dục của các nước trong khu vực và thế giới đúng quy định, hiệu quả, phù hợp với thực tiễn của trường, địa phương.

b) Nhà trường thường xuyên tổ chức sinh hoạt chuyên môn, đánh giá việc thực hiện chương trình giáo dục của nhà trường, từ đó điều chỉnh, cải tiến nội dung, phương pháp giáo dục để nâng cao chất lượng nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ [H5-5.1-01]; [H5-5.1-02].

* + - 1. **Điểm mạnh**

Nhà trường tổ chức tốt việc thực hiện chương trình và phát triển chương trình phù hợp quy định theo chỉ đạo chuyên môn.

* + - 1. **Điểm yếu**

Nhà trường chưa đủ điều kiện phát triển Chương trình giáo dục mầm non do Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành trên cơ sở tham khảo Chương trình giáo dục của các nước trong khu vực và thế giới đúng quy định, hiệu quả, phù hợp với thực tiễn của trường, địa phương.

* + - 1. **Kế hoạch cải tiến chất lượng**

Từ tháng 11 năm 2021, Hiệu trưởng phân công Phó Hiệu trưởng tiếp tục thực hiện Chương trình giáo dục mầm non đảm bảo chất lượng chăm sóc, giáo dục cho trẻ; nghiên cứu Chương trình giáo dục của các nước trong khu vực và thế giới để phát triển Chương trình giáo dục mầm non do Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành; chỉ đạo giáo viên lồng ghép các yếu tố có liên quan đến văn hóa của địa phương, vùng, miền vào kế hoạch giáo dục lớp phù hợp với văn hóa địa phương, đáp ứng khả năng và nhu cầu của trẻ, nâng cao chất lượng chăm sóc, giáo dục trẻ phù hợp với nhu cầu phát triển của xã hội; hướng dẫn giáo viên các phương pháp cụ thể giúp giáo viên nhạy bén, linh hoạt hơn trong việc lựa chọn các hình thức tổ chức hoạt động cho trẻ.

* + - 1. **Tự đánh giá:** đạt Mức 2.

***Tiêu chí 5.2: Tổ chức hoạt động nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục tr*ẻ**

Mức 1:

*a) Thực hiện linh hoạt các phương pháp, đảm bảo phù hợp với mục tiêu, nội dung giáo dục, phù hợp với trẻ mầm non và điều kiện nhà trường;*

*b) Tổ chức môi trường giáo dục theo hướng tạo điều kiện cho trẻ được vui chơi, trải nghiệm;*

*c) Tổ chức các hoạt động giáo dục bằng nhiều hình thức đa dạng phù hợp với độ tuổi của trẻ và điều kiện thực tế.*

Mức 2:

*Tổ chức các hoạt động thực hành, trải nghiệm, khám phá môi trường xung quanh phù hợp với nhu cầu, hứng thú của trẻ và điều kiện thực tế.*

Mức 3:

*Tổ chức môi trường giáo dục trong và ngoài lớp học phù hợp với nhu cầu, khả năng của trẻ, kích thích hứng thú, tạo cơ hội cho trẻ tham gia hoạt động vui chơi, trải nghiệm theo phương châm “chơi mà học, học bằng chơi”.*

**1. Mô tả hiện trạng**

Mức 1:

a) Có 34/36 (94,44%) giáo viên thể hiện được năng lực sư phạm, thực hiện linh hoạt các phương pháp: giáo viên nhà trẻ chọn phương pháp giao tiếp để thể hiện sự yêu thương, gắn bó với trẻ; giáo viên mẫu giáo phối hợp nhiều phương pháp (đàm thoại, phân tích,…) để tạo điều kiện cho trẻ được trải nghiệm, tìm tòi, khám phá; đảm bảo phù hợp với mục tiêu, nội dung giáo dục, phù hợp với trẻ mầm non và điều kiện nhà trường [H5-5.2-01]; [H5-5.2-02]. Tuy nhiên còn 02/36 giáo viên mới thiếu kinh nghiệm, thiếu linh hoạt trongviệc tổ chức hoạt động nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ.

b) Nhà trường tích cực xây dựng môi trường giáo dục thân thiện, đồ chơi thân thiện, đồ chơi có tính gợi mở cho trẻ khám phá, góp phần nâng cao chất lượng cuộc sống về vật chất và tinh thần cho trẻ. Đồng thời tổ chức các hoạt động giáo dục ở ngoài nhà trường cho trẻ vui chơi, trải nghiệm. Bổ sung cây xanh, trang thiết bị đồ dùng, đồ chơi, khối gỗ, khối bitis, phong phú về chủng loại, thân thiện, an toàn [H5-5.2-03]. Khuyến khích giáo viên thường xuyên quan tâm đến trẻ qua việc lắng nghe, giao tiếp với trẻ một cách thân thiện, gần gũi, quan sát những biểu hiện của trẻ trong khi thực hiện chế độ sinh hoạt hàng ngày.

c) Giáo viên nắm vững khả năng của trẻ khi tổ chức hoạt động, tạo điều kiện cho trẻ được trải nghiệm, khám phá. Hình thức tổ chức các trò chơi đa dạng, thông qua các hoạt động nhóm nhỏ, nhóm lớn và luyện tập cá nhân, có các bài tập hướng trẻ làm tập trung. Giáo viên biết tận dụng các đồ chơi có sẵn trong lớp và các đồ chơi cô và trẻ cùng làm để tổ chức cho trẻ thực hành đạt hiệu quả [H1-1.4-07]; [H1-1.8-02]; [H5-5.2-01]; [H5-5.2-02].

Mức 2:

Giáo viên có đầu tư tổ chức các hoạt động tạo điều kiện cho trẻ được thực hành, trải nghiệm, khám phá môi trường xung quanh phù hợp với nhu cầu, hứng thú của trẻ và điều kiện thực tế của lớp, của trường. Trẻ được tham gia khám phá, thực hành thể hiện những hiểu biết và chia sẻ cùng bạn [H5-5.2-01]; [H5-5.2-02]; [H5-5.2-03].

Mức 3:

Giáo viên tổ chức môi trường giáo dục trong và ngoài lớp học phù hợp với nhu cầu, khả năng của trẻ, kích thích hứng thú, tạo cơ hội cho trẻ tham gia hoạt động vui chơi, trải nghiệm theo phương châm “chơi mà học, học bằng chơi”. Tuy nhiên, 02/36 giáo viên mới thiếu kinh nghiệm, thiếu linh hoạt trong việc tổ chức hoạt động nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ. [H5-5.2-01]; [H5-5.2-02]; [H5-5.2-03].

**2. Điểm mạnh**

Giáo viên thực hiện linh hoạt các phương pháp, đảm bảo phù hợp với mục tiêu, nội dung giáo dục, phù hợp với trẻ mầm non, có các phương pháp đa dạng phù hợp với nhu cầu, hứng thú của trẻ và điều kiện thực tế.

**3. Điểm yếu**

Còn 02/36 giáo viên mới thiếu kinh nghiệm, thiếu linh hoạt trong việc tổ chức hoạt động nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ.

1. **Kế hoạch cải tiến chất lượng:**

Từ tháng 11 năm 2021, Hiệu trưởng duy trì tổ chức tốt các hoạt động chăm sóc nuôi dưỡng giáo dục trẻ, phân công 02 Phó Hiệu trưởng bồi dưỡng giáo viên mới và tạo điều kiện cho giáo viên dự giờ, học hỏi đồng nghiệp trong công tác tổ chức lớp học, học hỏi xử lý tình huống qua các buổi sinh hoạt chuyên môn.

1. **Tự đánh giá:** đạt Mức 2.

***Tiêu chí 5.3: Kết quả nuôi dưỡng và chăm sóc sức khỏe***

Mức 1:

*a) Nhà trường phối hợp với cơ sở y tế địa phương tổ chức các hoạt động chăm sóc sức khỏe cho trẻ;*

*b) 100% trẻ được kiểm tra sức khỏe, đo chiều cao, cân nặng, đánh giá tình trạng dinh dưỡng bằng biểu đồ tăng trưởng theo quy định;*

*c) Ít nhất 80% trẻ suy dinh dưỡng, thừa cân, béo phì được can thiệp bằng những biện pháp phù hợp, tình trạng dinh dưỡng của trẻ cải thiện so với đầu năm học.*

Mức 2:

*a) Nhà trường tổ chức tư vấn cho cha mẹ trẻ hoặc người giám hộ về các vấn đề liên quan đến sức khỏe, phát triển thể chất và tinh thần của trẻ;*

*b) Chế độ dinh dưỡng của trẻ tại trường được đảm bảo cân đối, đáp ứng nhu cầu dinh dưỡng, đảm bảo theo quy định;*

*c)100% trẻ suy dinh dưỡng, thừa cân, béo phì được can thiệp bằng những biện pháp phù hợp, tình trạng dinh dưỡng của trẻ cải thiện so với đầu năm học.*

Mức 3:

*Có ít nhất 95% trẻ em khỏe mạnh, chiều cao, cân nặng phát triển bình thường.*

1. **Mô tả hiện trạng**

Mức 1:

a) Nhà trường phối hợp với cơ sở y tế địa phương tổ chức tốt các hoạt động chăm sóc sức khỏe: trẻ suy dinh dưỡng và trẻ dưới 3 tuổi uống Vitamin A, chăm sóc trẻ tiêm phòng đủ các mũi tiêm do Sở y tế thành phố quy định, nhận tài liệu tuyên truyền và phương pháp phòng dịch, phòng bệnh [H5-5.3-01].

b) 643/643 (100%) trẻ được cân đo, theo dõi sức khỏe định kỳ thông qua biểu đồ theo dõi chiều cao, cân nặng [H5-5.3-01]. Hằng tháng cán bộ y tế, giáo viên đều có theo dõi cân nặng và chiều cao đối với trẻ suy dinh dưỡng nhẹ cân, suy dinh dưỡng thấp còi, trẻ thừa cân, béo phì. Đồng thời hằng quý đều có theo dõi cân nặng, chiều cao đối với các cháu bình thường, kết hợp tuyên truyền với phụ huynh biện pháp chăm sóc đặc biệt [H5-5.3-01]; [H5-5.3-02].

 c) 100% trẻ suy dinh dưỡng, thừa cân, béo phì được can thiệp bằng những biện pháp phù hợp, tình trạng dinh dưỡng của 100% trẻ được cải thiện so với đầu năm học (trẻ suy dinh dưỡng nhẹ cân cải thiện 02/02, tỉ lệ 100%; trẻ suy dinh dưỡng thấp còi cải thiện 01/01, tỉ lệ 100%; trẻ thừa cân, béo phì cải thiện 27/40, tỉ lệ 67,5%). Nhà trường có xây dựng kế hoạch trong công tác phòng chống suy dinh dưỡng, thừa cân-béo phì cho trẻ như: tuyên truyền kiến thức khoa học về tác hại, nguyên nhân dẫn đến tình trạng thừa cân - béo phì nên phần nhiều phụ huynh cũng có thêm kiến thức trong công tác phòng chống giúp nhà trường duy trì và đảm bảo trẻ thừa cân-béo phì ở mức độ không tăng cân so với đầu vào [H5-5.3-01]; [H5-5.3-02].

Mức 2:

a) Nhà trường đã tổ chức các buổi tuyên truyền, tư vấn chăm sóc sức khỏe cho cha mẹ những trẻ thuộc đối tượng suy dinh dưỡng, thừa cân, béo phì. Phụ huynh gặp trực tiếp bác sĩ, được tư vấn về biện pháp riêng cho từng trẻ giúp trẻ phát triển về thể chất và tinh thần [H5-5.3-02].

b) Nhà trường tính khẩu phần dinh dưỡng cho trẻ bằng phần mềm Bão Công Nghệ (Foodkids) đảm bảo cân đối theo quy định, xây dựng thực đơn đa dạng món ăn, đa dạng thực phẩm thay đổi hằng ngày, hằng tuần, có lưu ý thực phẩm theo mùa, có thực phẩm bổ sung hằng ngày cho trẻ suy dinh dưỡng, thừa cân, béo phì. Món ăn được chế biến ngon, hấp dẫn trẻ [H5-5.3-03]; [H5-5.3-04] được cha mẹ học sinh đánh giá, ghi nhận qua các buổi họp cha mẹ học sinh, qua sổ bé ngoan [H4-4.1-02]; [H5-5.3-05].

c) Nhà trường có kế hoạch chăm sóc đặc biệt 100% đối với trẻ suy dinh dưỡng nhẹ cân, suy dinh dưỡng thấp còi qua việc bổ sung các loại thực phẩm giàu đạm như: sữa, phô mai, yaourt, bánh flan. 100% trẻ thừa cân, béo phì nhà trường được tăng cường thêm các loại rau củ hấp như: củ sắn, bắp cải, su su... [H5-5.3-03]. Ngoài chế độ ăn, nhà trường còn tăng cường thêm vận động cho trẻ thừa cân, béo phì và thời gian vui chơi tắm nắng ngoài trời cho trẻ suy dinh dưỡng. 100% trẻ suy dinh dưỡng, thừa cân, béo phì được can thiệp bằng những biện pháp phù hợp, tình trạng dinh dưỡng của 100% trẻ được cải thiện so với đầu năm học (trẻ suy dinh dưỡng nhẹ cân cải thiện 02/02, tỉ lệ 100%; trẻ suy dinh dưỡng thấp còi cải thiện 01/01, tỉ lệ 100%; trẻ thừa cân, béo phì cải thiện 27/40, tỉ lệ 67,5%) [H1-1.1-04]; [H5-5.3-01]. Kết quả chăm sóc trẻ suy dinh dưỡng, thừa cân, béo phì năm học 2020 - 2021, cụ thể:

|  |  |
| --- | --- |
| **TRẺ** | **Năm học 2020-2021** |
| **Tổng số trẻ** | **Trẻ SDD nhẹ cân (SDDNC)** | **Trẻ SDD thấp còi (SDDTC)** | **Trẻ SDD thể còi (nc+tc)** | **Trẻ Thừa cân - Béo phì (TC-BP)** |
| Đầu vào | Phục hồi | Đầu ra | Đầu vào | Phục hồi | Đầu ra | Đầu vào | Phục hồi | Đầu ra | Đầu vào | Phục hồi | Đầu ra |
| Nhà trẻ | 104 | 02 | 02 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 04 | 03 | 01 |
| Mẫu giáo | 539 | 0 | 0 | 0 | 01 | 01 | 0 | 0 | 0 | 0 | 36 | 24 | 12 |
| **Cộng** **toàn trường** | **643** | **02** | **02** | **0** | **01** | **01** | **0** | **0** | **0** | **0** | **40** | **27** | **13** |
| *Tỷ lệ* | *100%* | *100%* | *100%* | *0%* | *100%* | *100%* | *0%* | *100%* | *100%* | *100%* | *100%* | *67.5%* | *32.5%* |

Mức 3:

Có 630/643 (97,97%) trẻ khỏe mạnh, chiều cao, cân nặng phát triển bình thường; còn 13/643 (2,03%) trẻ thừa cân, béo phì [H5-5.3-01].

1. **Điểm mạnh**

Nhà trường thực hiện tốt các biện pháp chăm sóc nuôi dưỡng và sức khỏe cho trẻ, đạt tỉ lệ về giảm suy dinh dưỡng, thừa cân, béo phì.

1. **Điểm yếu**

Vẫn còn 13/643 (2,03%) trẻ thừa cân, béo phì.

1. **Kế hoạch cải tiến chất lượng:**

Từ tháng 01 năm 2022, Hiệu trưởng phân công cho nhân viên y tế phối hợp giáo viên tiếp tục duy trì biện pháp chăm sóc nuôi dưỡng trẻ theo khoa học, đồng thời tăng cường tuyên truyền với cha mẹ học sinh có trẻ suy dinh dưỡng, thừa cân, béo phì phối hợp tốt hơn nữa với nhà trường. Ngoài ra, trong công tác tuyển sinh sẽ trao đổi trước với cha mẹ học sinh về việc trẻ suy dinh dưỡng, thừa cân, béo phì nhằm thực hiện tốt công tác chăm sóc sức khỏe cho trẻ.

1. **Tự đánh giá:** đạt Mức 3.

***Tiêu chí 5.4: Kết quả giáo dục***

Mức 1:

1. *Tỷ lệ chuyên cần đạt ít nhất 90% đối với trẻ 5 tuổi, 85% đối với trẻ dưới 5 tuổi; trường thuộc vùng khó khăn đạt ít nhất 85% đối với trẻ 5 tuổi, 80% đối với trẻ dưới 5 tuổi**;*
2. *Tỷ lệ trẻ 5 tuổi hoàn thành Chương trình giáo dục mầm non đạt ít nhất 85%; trường thuộc vùng khó khăn đạt ít nhất 80%;*
3. *Trẻ khuyết tật học hòa nhập, trẻ có hoàn cảnh khó khăn được nhà trường quan tâm giáo dục theo kế hoạch giáo dục cá nhân.*

Mức 2:

1. *Tỷ lệ chuyên cần đạt ít nhất 95% đối với trẻ 5 tuổi, 90% đối với trẻ dưới 5 tuổi; trường thuộc vùng khó khăn đạt ít nhất 90% đối với trẻ 5 tuổi, 85% đối với trẻ dưới 5 tuổi;*
2. *Tỷ lệ trẻ 5 tuổi hoàn thành Chương trình giáo dục mầm non đạt ít nhất 95%; trường thuộc vùng khó khăn đạt ít nhất 90%;*
3. *Trẻ khuyết tật học hòa nhập (nếu có) được đánh giá có tiến bộ đạt ít nhất 80%.*

Mức 3:

1. *Tỷ lệ trẻ 5 tuổi hoàn thành Chương trình giáo dục mầm non đạt ít nhất 97%; trường thuộc vùng khó khăn đạt ít nhất 95%;*
2. *Trẻ khuyết tật học hòa nhập (nếu có) được đánh giá có tiến bộ đạt ít nhất 85%.*
	* + 1. **Mô tả hiện trạng**

Mức 1:

a) Trong vòng 5 năm, tỉ lệ chuyên cần đối với trẻ 5 tuổi trên 96%; trẻ dưới 5 tuổi trên 91% [H1-1.5-02]; [H5-5.4-01], cụ thể:

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Độ tuổi** | **Năm học 2016 - 2017** | **Năm học 2017 - 2018** | **Năm học 2018 - 2019** | **Năm học 2019 - 2020** | **Năm học 2020 - 2021** |
| Khối Nhà trẻ (19-36 tháng) | 92,96% | 91,33% | 93,71% | 92,89% | 91,75% |
| Khối Mầm (3-4 tuổi) | 96,49% | 96,5% | 96,74% | 96,23% | 96,3% |
| Khối Chồi (4-5 tuổi) | 96,47% | 95,43% | 96,69% | 96,59% | 96,39% |
| Khối Lá (5-6 tuổi) | 96,48% | 96,19% | 96,61% | 96,34% | 96,43% |

b) 100% (207/207) trẻ 5 tuổi tại trường hoàn thành theo Chương trình giáo dục mầm non do Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định [H4-4.2-01].

c) Nhà trường không có trẻ khuyết tật học hòa nhập [H1-1.5-02].

Mức 2:

 a) Trong vòng 5 năm, tỉ lệ chuyên cần đối với trẻ 5 tuổi trên 96%; trẻ dưới 5 tuổi trên 91%. Năm học 2020 - 2021, còn 3,57% trẻ 5 tuổi chưa chuyên cần [H5-5.4-01].

b) 100% (207/207) trẻ 5 tuổi tại trường hoàn thành theo Chương trình giáo dục mầm non do Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định [H4-4.2-01].

c) Nhà trường không có trẻ khuyết tật học hòa nhập [H1-1.5-02].

Mức 3:

a) 100% (207/207) trẻ 5 tuổi tại trường hoàn thành theo Chương trình giáo dục mầm non do Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định [H4-4.2-01].

b) Nhà trường không có trẻ khuyết tật học hòa nhập [H1-1.5-03].

**2. Điểm mạnh**

 Tỉ lệ chuyên cần đạt mức quy định: tỉ lệ chuyên cần đối với trẻ 5 tuổi trên 96%; trẻ dưới 5 tuổi trên 91%. Tỉ lệ trẻ 5 tuổi hoàn thành theo Chương trình giáo dục mầm non do Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định đạt 100%.

**3. Điểm yếu**

Còn 3,57 % trẻ 5 tuổi chưa chuyên cần.

**4. Kế hoạch cải tiến chất lượng**

Từ tháng 11 năm 2021, Hiệu trưởng tăng cường tuyên truyền, phối hợp với các đoàn thể tại địa phương và cha mẹ học sinh thực hiện tốt công tác phổ cập giáo dục trẻ 5 tuổi tại trường, giúp cha mẹ học sinh có thông tin kiến thức về Bộ chuẩn phát triển trẻ 5 tuổi; chỉ đạo giáo viên áp dụng các biện pháp: động viên trẻ; phối hợp cha mẹ học sinh trong chăm sóc sức khỏe, chế độ dinh dưỡng, tăng cường vận động cho trẻ… để nâng cao hơn nữa tỉ lệ chuyên cần ở tất cả các độ tuổi.

**5. Tự đánh giá:** đạt Mức 3.

**Kết luận về Tiêu chuẩn 5:**

**Điểm mạnh nổi bật:**

Nhà trường luôn tạo điều kiện để 100% trẻ được phát triển theo kết quả mong đợi của Chương trình Giáo dục mầm non, tạo cơ hội cho trẻ được giao lưu với các bạn trong lớp cũng như các bạn ở độ tuổi khác. Giáo viên luôn theo dõi, đánh giá trẻ để có biện pháp chăm sóc giáo dục phù hợp, đồng thời luôn có kế hoạch và biện pháp để giúp trẻ phát triển một cách toàn diện theo yêu cầu của độ tuổi.

**Điểm yếu cơ bản:**

Nhà trường chưa đủ điều kiện phát triển Chương trình giáo dục mầm non do Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành trên cơ sở tham khảo Chương trình giáo dục của các nước trong khu vực và thế giới đúng quy định, hiệu quả, phù hợp với thực tiễn của trường, địa phương.

Còn 02/36 giáo viên mới thiếu kinh nghiệm, thiếu linh hoạt trong việc tổ chức hoạt động nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ.

Còn 13/643 (2,03%) trẻ thừa cân, béo phì.

Còn 3,57% trẻ 5 tuổi chưa chuyên cần.

**Số lượng tiêu chí đạt yêu cầu:** 04/04.

**Số lượng tiêu chí không đạt yêu cầu:** 00/04.

**Phần III. KẾT LUẬN CHUNG**

Trường Mầm non Hạnh Thông Tây quận Gò Vấp luôn khẳng định mình bằng năng lực chuyên môn, đội ngũ sư phạm trẻ, giỏi, năng động, sáng tạo, tập thể luôn phấn đấu xây dựng nhà trường ngày càng vững mạnh. Tuy nhiên với tinh thần trách nhiệm, nhà trường cũng đã tự nhìn nhận và đánh giá lại mình những mặt làm được cũng như tồn tại để có kế hoạch cải tiến, khắc phục, tạo động lực thúc đẩy chất lượng cao hơn, được lãnh đạo và nhân dân tín nhiệm nhiều hơn.

Kết quả tự đánh giá như sau:

+ Số lượng và tỷ lệ các tiêu chí đạt Mức 1: 25/25, tỷ lệ: 100%

+ Số lượng và tỷ lệ các tiêu chí không đạt Mức 1: 00/25, tỷ lệ: 00%

+ Số lượng và tỷ lệ các tiêu chí đạt Mức 2: 25/25, tỷ lệ: 100%

+ Số lượng và tỷ lệ các tiêu chí không đạt Mức 2: 00/25, tỷ lệ: 00%

+ Số lượng và tỷ lệ các tiêu chí đạt Mức 3: 07/19, tỷ lệ: 36,84%

+ Số lượng và tỷ lệ các tiêu chí không đạt Mức 3: 12/19, tỷ lệ: 63,16%

+ Mức đánh giá của Trường Mầm non Hạnh Thông Tây: Mức 2.

+ Trường Mầm non Hạnh Thông Tây đề nghị đạt kiểm định chất lượng giáo dục Cấp độ 2 và Chuẩn quốc gia Mức độ 1.

Trên đây là toàn bộ báo cáo tự đánh giá chất lượng chăm sóc giáo dục của Trường Mầm non Hạnh Thông Tây về công tác kiểm định chất lượng giáo dục trường mầm non. Nhà trường kính mong được sự chỉ đạo quan tâm, hướng dẫn, giúp đỡ của các cấp lãnh đạo các cấp quản lý, các cấp ủy Đảng, sự phối hợp của các ban ngành, đoàn thể chính quyền địa phương, sự hỗ trợ của Ban đại diện cha mẹ học sinh đóng góp ý kiến để trường tiếp tục phát huy những điểm mạnh, khắc phục những điểm yếu. Từ đó, nhà trường sẽ có cơ sở và biện pháp cải tiến nhằm đưa chất lượng chăm sóc, giáo dục tại đơn vị ngày càng tốt hơn, hoàn thiện hơn, trường ngày càng phát triển toàn diện và bền vững./.

 *Gò Vấp, ngày 23 tháng 9 năm 2021*

 **HIỆU TRƯỞNG**

  **Nguyễn Thị Hoàng Mai**

**Phần IV: PHỤ LỤC**

**Bảng danh mục mã minh chứng**

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Tiêu chí** | **Số****TT** | **Mã minh chứng** | **Tên minh chứng** | **Số, ngày ban hành, hoặc thời điểm khảo sát, điều tra, phỏng vấn, quan sát,…** | **Nơi ban hành hoặc nhóm, cá nhân người thực hiện** | **Ghi chú****(Nơi lưu trữ)** |
| **Tiêu chí 1.1** | 1 | [H1-1.1-01] | Kế hoạch chiến lược phát triểntrường mầm non Hạnh Thông Tâygiai đoạn 2020-2025 | 2020-2025 | Hiệu trưởng | Phòng Hiệu trưởng |
| 2 | [H1-1.1-02] | Trang Web trườngMầm non Hạnh Thông Tây, bảng thông báo | Năm 2021 | Thủ quỹ | Phòng Phó hiệu trưởng |
|  | 3 | [H1-1.1-03] | Kế hoạch năm học | Năm học 2016-2017 đến 2020-2021 | Hiệu trưởng | Phòng Hiệu trưởng |
| 4 | [H1-1.1-04] | Hồ sơ bổ sung Kế hoạch chiến lược trường mầm non Hạnh Thông Tâygiai đoạn 2020-2025 | Tháng 9 năm 2021 | Hiệu trưởng | Phòng Hiệu trưởng |
| 5 | [H1-1.1-05] | Hồ sơ Hội đồng trường | Năm học 2016-2017 đến 2020-2021 | Hội đồng trường | Phòng Hiệu trưởng |
| **Tiêu chí 1.2** | 1 | [H1-1.2-01] | Hồ sơ Hội đồngthi đua khen thưởng | Năm học 2016-2017 đến 2020-2021 | Hội đồng thi đua khen thưởng | Phòng Hiệu trưởng |
| 2 | [H1-1.2-02] | Hồ sơ tuyển sinh | Năm học 2016-2017 đến 2020-2021 | Hội đồngtuyển sinh | Phòng Hiệu trưởng |
| 3 | [H1-1.2-03] | Hồ sơ chấm sáng kiến | Năm học 2016-2017 đến 2020-2021 | Hội đồngkhoa học | Phòng Hiệu trưởng |
| 4 | [H1-1.2-04] | Báo cáo sơ kết, tổng kết | Năm học 2016-2017 đến 2020-2021 | Hiệu trưởng | Phòng Hiệu trưởng |
| **Tiêu chí 1.3** | 1 | [H1-1.3-01] | Hồ sơ tổ chức Công đoàn | Năm học 2016-2017 đến 2020-2021 | Ban chấp hành công đoàn | Phòng Phó hiệu trưởng |
| 2 | [H1-1.3-02] | Hồ sơ tổ chứcĐoàn Thanh niên | Năm học 2016-2017 đến 2020-2021 | Ban chấp hànhchi đoàn | Phòng Phó hiệu trưởng |
| 3 | [H1-1.3-03] | Hồ sơ Hội khuyến học | Năm học 2016-2017 đến 2020-2021 | Chi hội trưởng khuyến học | Phòng phó hiệu trưởng |
| 4 | [H1-1.3-04] | Hồ sơ Chi hội chữ thập đỏ | Năm học 2016-2017 đến 2020-2021 | Chi hội trưởng hội chữ thập đỏ | Phòng Phó hiệu trưởng |
| 5 | [H1-1.3-05] | Hồ sơ Chi bộ | Năm 2016 đến 2021 | Bí thư chi bộ-Hiệu trưởng | Phòng Phó bí thư chi bộ-Phó hiệu trưởng |
| **Tiêu chí 1.4** | 1 | [H1-1.4-01] | Quyết định bổ nhiệm (Hiệu trưởng, Phó hiệu trưởng) | Năm học 2016-2017 đến 2020-2021 | Ủy ban nhân dân quận Gò Vấp | Phòng Hiệu trưởng |
| 2 | [H1-1.4-02] | Quyết định phân công Cán bộ, giáo viên, nhân viên | Năm học 2016-2017 đến 2020-2021 | Hiệu trưởng | Phòng hành chính |
| 3 | [H1-1.4-03] | Quyết định phân công các tổ chuyên môn, tổ văn phòng | Năm học 2016-2017 đến 2020-2021 | Hiệu trưởng | Phòng hiệu trưởng |
| 4 | [H1-1.4-04] | Hồ sơ tổ văn phòng | Năm học 2016-2017 đến 2020-2021 | Tổ trưởng tổ văn phòng | Phòng hành chính |
| 5 | [H1-1.4-05] | Hồ sơ tổ chuyên môn | Năm học 2016-2017 đến 2020-2021 | Khối trưởng | Phòng Phó hiệu trưởng |
| 6 | [H1-1.4-06] | Giấy khen | Năm học 2016-2017 đến 2020-2021 | Ủy ban nhân dân quận Gò Vấp, Phòng Giáo dục và Đào tạo | Phòng hội trường |
| 7 | [H1-1.4-07] | Hồ sơ chuyên đề | Năm học 2016-2017 đến 2020-2021 | Phó hiệu trưởng | Phòng Phó hiệu trưởng |
| **Tiêu chí 1.5** | 1 | [H1-1.5-01] | Danh sách trẻ các lớp | Năm học 2016-2017 đến 2020-2021 | Văn thư | Phòng hành chính |
| 2 | [H1-1.5-02] | Hồ sơ học sinh | Năm học 2016-2017 đến 2020-2021 | Văn thư | Phòng hành chính |
| **Tiêu chuẩn 1.6** | 1 | [H1-1.6-01] | Sổ lưu trữ các văn bản, công văn | Năm học 2016-2017 đến 2020-2021 | Văn thư | Phòng hành chính |
| 2 | [H1-1.6-02] | Hồ sơ quản lý tài chính | Năm 2016, 2017, 2018, 2019, 2020 | Kế toán | Phòng hành chính |
| 3 | [H1-1.6-03] | Hồ sơ quản lý tài sản | Năm học 2016-2017 đến 2020-2021 | Kế toán | Phòng hành chính |
| 4 | [H1-1.6-04] | Sổ họp Hội đồng sư phạm | Năm học 2016-2017 đến 2020-2021 | Thư ký hội đồng | Phòng Hiệu trưởng |
| 5 | [H1-1.6-05] | Biên bản cấp trên kiểm tra về công tác tài chính, tài sản | Năm học 2016-2017 đến 2020-2021 | Phòng tài chính-kế toán quận Gò Vấp | Phòng hành chính |
| 6 | [H1-1.6-06] | Quy chế chi tiêu nội bộ | Năm học 2016-2017 đến 2020-2021 | Hiệu trưởng | Phòng hành chính |
| 7 | [H1-1.6-07] | Các phần mềm (kế toán Imas, quản lý nhân sự Pmis, quản lý nhân sự Epmis, quản lý công chức viên chức, BHXH Viettel, khai báo thuế T – Văn Thái Sơn) | Năm học 2016-2017 đến 2020-2021 | Kế toán | Phòng hành chính |
| **Tiêu chí 1.7** | 1 | [H1-1.7-01] | Hồ sơ đào tạo bồi dưỡng | Năm học 2016-2017 đến 2020-2021 | Hiệu trưởng | Phòng Phó hiệu trưởng |
| 2 | [H1-1.7-02] | Hồ sơ hội nghị cán bộ, công chức, viên chức | Năm học 2016-2017 đến 2020-2021 | Hiệu trưởng | Phòng Hiệu trưởng |
| 3 | [H1-1.7-03] | Hồ sơ quy hoạch | Năm học 2016-2017 đến 2020-2021 | Đảng bộ phường 11 | Phòng Hiệu trưởng |
| 4 | [H1-1.7-04] | Hồ sơ bồi dưỡng thường xuyên | Năm học 2016-2017 đến 2020-2021 | Hiệu trưởng | Phòng Phó hiệu trưởng |
| **Tiêu chí 1.8** | 1 | [H1-1.8-01] | Kế hoạch giáo dục (mạng nội bộ) | Năm học 2016-2017 đến 2020-2021 | Giáo viên các lớp | Phòng Phó hiệu trưởng |
| 2 | [H1-1.8-02] | Hồ sơ dự giờ hoạt động học vàhoạt động vui chơi | Năm học 2016-2017 đến 2020-2021 | Cán bộ quản lý | Phòng Hiệu trưởng, Phó hiệu trưởng |
| 3 | [H1-1.8-03] | Hồ sơ kiểm tra nội bộ | Năm học 2016-2017 đến 2020-2021 | Hiệu trưởng | Phòng Phó hiệu trưởng |
| **Tiêu chí 1.9** | 1 | [H1-1.9-01] | Hồ sơ quy chế dân chủ | Năm học 2016-2017 đến 2020-2021 | Hiệu trưởng | Phòng Hiệu trưởng |
| 2 | [H1-1.9-02] | Hồ sơ tiếp công dân | Năm học 2016-2017 đến 2020-2021 | Hiệu trưởng | Phòng Hiệu trưởng |
| 3 | [H1-1.9-03] | Hồ sơ Ban thanh tra nhân dân | Năm học 2016-2017 đến 2020-2021 | Ban thanh tra nhân dân | Phòng Hiệu trưởng |
| 4 | [H1-1.9-04] | Hồ sơ công khai | Năm học 2016-2017 đến 2020-2021 | Văn thư | Phòng Hiệu trưởng |
| **Tiêu chí 1.10** | 1 | [H1-1.10-01] | Hồ sơ An ninh trật tự | Năm học 2016-2017 đến 2020-2021 | Hiệu trưởng | Phòng Hiệu trưởng |
| 2 | [H1-1.10-02] | Hồ sơ vệ sinh an toàn thực phẩm | Năm học 2016-2017 đến 2020-2021 | Hiệu trưởng | Phòng Phó hiệu trưởng |
| 3 | [H1-1.10-03] | Hồ sơ phòng, chống tai nạn thương tích | Năm học 2016-2017 đến 2020-2021 | Hiệu trưởng | Phòng Phó hiệu trưởng |
| 4 | [H1-1.10-04] | Hồ sơ phòng cháy, chữa cháy | Năm học 2016-2017 đến 2020-2021 | Hiệu trưởng | Phòng Phó hiệu trưởng |
| 5 | [H1-1.10-05] | Hồ sơ phòng, chống thảm họa, thiên tai | Năm học 2016-2017 đến 2020-2021 | Hiệu trưởng | Phòng Phó hiệu trưởng |
| 6 | [H1-1.10-06] | Hồ sơ phòng, chống dịch bệnh | Năm học 2016-2017 đến 2020-2021 | Hiệu trưởng | Phòng y tế |
| 7 | [H1-1.10-07] | Hồ sơ phòng, chống tệ nạn xã hội và phòng, chống bạo lực trong nhà trường | Năm học 2016-2017 đến 2020-2021 | Hiệu trưởng | Phòng Phó hiệu trưởng |
| 8 | [H1-1.10-08] | Hộp thư góp ý | Năm học 2016-2017 đến 2020-2021 | Hiệu trưởng | Cổng trường |
| 9 | [H1-1.10-09] | Hình ảnh bảng tin | Năm 2020 | Hiệu trưởng | Bảng tin |
| **Tiêu chí 2.1** | 1 | [H2-2.1-01] | Hồ sơ nhân sự cán bộ quản lý, giáo viên | Năm học 2016-2017 đến 2020-2021 | Văn thư | Phòng Hiệu trưởng |
| 2 | [H2-2.1-02] | Hồ sơ đánh giá chuẩn Hiệu trưởng, Phó hiệu trưởng | Năm học 2016-2017 đến 2020-2021 | Hiệu trưởng, Phó hiệu trưởng | Phòng Hiệu trưởng |
| 2 | [H2-2.1-03] | Hồ sơ đánh giá xếp loại Hiệu trưởng, Phó hiệu trưởng hằng năm | Năm học 2016-2017 đến 2020-2021 | Hiệu trưởng, Phó hiệu trưởng | Phòng Hiệu trưởng |
| **Tiêu chí 2.2** | 1 | [H2-2.2-01] | Bảng thống kê trình độ giáo viên | Năm học 2016-2017 đến 2020-2021 | Văn thư | Phòng hành chính |
| 2 | [H2-2.2-02] | Hồ sơ đánh giá chuẩn giáo viêntheo chuẩn nghề nghiệp giáo viên mầm non | Năm học 2016-2017 đến 2020-2021 | Giáo viên | Phòng Hiệu trưởng |
| 3 | [H2-2.2-03] | Hồ sơ kỷ luật giáo viên | Năm học 2016-2017  | Hiệu trưởng | Phòng Hiệu trưởng |
| **Tiêu chí 2.3** | 1 | [H2-2.3-01] | Hồ sơ nhân sự nhân viên | Năm học 2016-2017 đến 2020-2021 | Văn thư | Phòng Hiệu trưởng |
| 2 | [H2-2.3-02] | Bảng thống kê trình độ nhân viên | Năm học 2016-2017 đến 2020-2021 | Văn thư | Phòng hành chính |
| 3 | [H2-2.3-03] | Kết quả đánh giá xếp loại nhân viên | Năm học 2016-2017 đến 2020-2021 | Nhân viên | Phòng Hiệu trưởng |
| 4 | [H2-2.3-04] | Danh sách tham gia/ giấy chứng nhận tham gia bồi dưỡng, tập huấn | Năm học 2016-2017 đến 2020-2021 | Văn thư | Phòng Phó hiệu trưởng |
| **Tiêu chí 3.1** | 1 | [H3-3.1-01] | Hổ sơ nhà đất | Năm 2013 | Ủy ban nhân dân quận Gò Vấp | Phòng Hiệu trưởng |
| 2 | [H3-3.1-02] | Ảnh chụp (khuôn viên, cổng trường, bảng tên trường, hệ thống cống rãnh, sân trường, hành lang, hiên chơi, đồ dùng đồ chơi, khu vui chơi, sân vườn) | Năm 2013, 2021 | Hiệu trưởng | Phòng Hiệu trưởng |
| 3 | [H3-3.1-03] | Danh mục đồ dùng đồ chơi | Năm học 2016-2017 đến 2020-2021 | Giáo viên | Phòng Phó hiệu trưởng |
| **Tiêu chí 3.2** | 1 | [H3-3.2-01] | Danh sách phòng và lớp | Năm học 2016-2017 đến 2020-2021 | Hiệu trưởng | Phòng hành chính |
| 2 | [H3-3.2-02] | Ảnh chụp (phòng nghệ thuật, phòng thể chất, góc đọc sách, phòng sinh hoạt chung, phòng lego, nền lớp, trần, đèn quạt, phòng ngủ, tủ, kệ,đồ dùng) | Năm 2021 | Hiệu trưởng | Phòng Hiệu trưởng |
| **Tiêu chí 3.3** | 1 | [H3-3.3-01] | Ảnh chụp (phòng hội trường, phòng Hiệu trưởng, Phó hiệu trưởng, văn phòng, phòng y tế, phòng bảo vệ, phòng nghỉ nhân viên, nhà vệ sinh, nhà xe) | Năm 2021 | Hiệu trưởng | Phòng Hiệu trưởng |
| **Tiêu chí 3.4** | 1 | [H3-3.4-01] | Ảnh chụp (nhà bếp, đồ dùng nhà bếp, kho thực phẩm, tủ lưu nghiệm) | Năm 2021 | Hiệu trưởng | Phòng Hiệu trưởng |
| 2 | [H3-3.4-02] | Sổ lưu mẫu thức ăn | Năm học 2016-2017 đến 2020-2021 |  |  |
| **Tiêu chí 3.5** | 1 | [H3-3.5-01] | Hợp đồng cung cấp dịch vụ Internet | Năm học 2016-2017 đến 2020-2021 | Kế toán | Phòng hành chính |
| 2 | [H3-3.5-02] | Thống kê đồ chơi tự làm | Năm học 2016-2017 đến 2020-2021 | Phó hiệu trưởng | Phòng Phó hiệu trưởng |
| 3 | [H3-3.5-03] | Kế hoạch/ hình ảnh bổ sung, thay thế đồ chơi ngoài danh mục | Năm học 2016-2017 đến 2020-2021 | Phó hiệu trưởng | Phòng Hiệu trưởng |
| 4 | [H3-3.5-04] | Ảnh chụp trẻ hoạt động với đồ dùng đồ chơi tự làm hoặc ngoài danh mục | Năm học 2016-2017 đến 2020-2021 | Phó hiệu trưởng | Phòng Phó hiệu trưởng |
| **Tiêu chí 3.6** | 1 | [H3-3.6-01] | Hình ảnh nhà vệ sinh trẻ | Năm 2021 | Phó hiệu trưởng | Phòng Phó hiệu trưởng |
| 2 | [H3-3.6-02] | Hình ảnh nhà vệ sinh cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên | Năm 2021 | Phó hiệu trưởng | Phòng Phó hiệu trưởng |
| 3 | [H3-3.6-03] | Hình ảnh chụp khu nhà để rác | Năm 2021 | Hiệu trưởng | Phòng Hiệu trưởng |
| 4 | [H3-3.6-04] | Hợp đồng cung cấp nước sạch | Năm học 2016-2017 đến 2020-2021 | Kế toán | Phòng hành chính |
| 5 | [H3-3.6-05] | Hợp đồng thu gom rác | Năm học 2016-2017 đến 2020-2021 | Kế toán | Phòng hành chính |
| 6 | [H3-3.6-06] | Sổ đề nghị sửa chữa | Năm học 2016-2017 đến 2020-2021 | Phó Hiệu trưởng | Phòng Phó hiệu trưởng |
| **Tiêu chí 4.1** | 1 | [H4-4.1-01] | Hồ sơ Ban đại diện cha mẹ học sinh | Năm học 2016-2017 đến 2020-2021 | Hiệu trưởng | Phòng Hiệu trưởng |
| 2 | [H4-4.1-02] | Hình ảnh tuyên truyền trong buổi họp cha mẹ học sinh | Năm học 2016-2017 đến 2020-2021 | Giáo viên | Phòng Hiệu trưởng |
| **Tiêu chí 4.2** | 1 | [H4-4.2-01] | Hồ sơ phổ cập giáo dục | Năm học 2016-2017 đến 2020-2021 | Văn thư | Phòng Hiệu trưởng |
| 2 | [H4-4.2-02] | Quy chế phối hợp với công an phường về đảm bảo an ninh, trật tự, an toàn trường học | Năm học 2016-2017 đến 2020-2021 | Hiệu trưởng | Phòng Hiệu trưởng |
| 3 | [H4-4.2-03] | Quy chế phối hợp gia đình-nhà trường-xã hội | Năm học 2016-2017 đến 2020-2021 | Hiệu trưởng | Phòng Hiệu trưởng |
| 4 | [H4-4.2-04] | Tờ trình mua sắm, sửa chữa, cải tạo | Năm học 2016-2017 đến 2020-2021 | Hiệu trưởng | Phòng Hiệu trưởng |
| 5 | [H4-4.2-05] | Hình ảnh tổ chức lễ hội | Năm học 2016-2017 đến 2020-2021 | Phó hiệu trưởng | Phòng Phó hiệu trưởng |
| 6 | [H4-4.2-06] | Kế hoạch tổ chức lễ hội | Năm học 2016-2017 đến 2020-2021 | Phó hiệu trưởng | Phòng Phó hiệu trưởng |
| **Tiêu chí 5.1** | 1 | [H5-5.1-01] | Kết quả đánh giá trẻ | Năm học 2016-2017 đến 2020-2021 | Giáo viên | Phòng Phó hiệu trưởng |
| 2 | [H5-5.1-02] | Sổ họp chuyên môn | Năm học 2016-2017 đến 2020-2021 | Phó hiệu trưởng | Phòng Phó hiệu trưởng |
| **Tiêu chí 5.2** | 1 | [H5-5.2-01] | Hình ảnh hoạt động, sản phẩm hoạt động của trẻ | Năm học 2016-2017 đến 2020-2021 | Giáo viên | Phòng Phó hiệu trưởng |
| 2 | [H5-5.2-02] | Đĩa ghi hình hoạt động giáo dục | Năm học 2016-2017 đến 2020-2021 | Giáo viên | Phòng Phó hiệu trưởng |
| 3 | [H5-5.2-03] | Hình ảnh môi trường giáo dục trong và ngoài lớp học | Năm học 2016-2017 đến 2020-2021 | Giáo viên | Phòng Phó hiệu trưởng |
| **Tiêu chí 5.3** | 1 | [H5-5.3-01] | Hồ sơ y tế | Năm học 2016-2017 đến 2020-2021 | Y tế | Phòng y tế |
| 2 | [H5-5.3-02] | Hồ sơ tuyên truyền phòng chống suy dinh dưỡng, thừa cân, béo phì | Năm học 2016-2017 đến 2020-2021 | Y tế | Phòng y tế |
| 3 | [H5-5.3-03] | Thực đơn, khẩu phần dinh dưỡng | Năm học 2016-2017 đến 2020-2021 | Cấp dưỡng | Phòng Phó hiệu trưởng |
| 4 | [H5-5.3-04] | Hồ sơ tiếp phẩm | Năm học 2016-2017 đến 2020-2021 | Cấp dưỡng | Phòng Phó hiệu trưởng |
| 5 | [H5-5.3-05] | Sổ liên lạc, sổ bé ngoan | Năm học 2021-2022  | Giáo viên | Phòng Hiệu trưởng |
| **Tiêu chí 5.4** | 1 | [H5-5.4-01] | Bảng tổng hợp chuyên cần trẻ | Năm học 2016-2017 đến 2020-2021 | Phó hiệu trưởng | Phòng Phó hiệu trưởng |